

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, Phương hướng, nhiệm vụ năm 2023

(Tài liệu phục vụ kỳ họp thường lệ cuối năm 2022
HĐND tỉnh khóa XVII nhiệm kỳ 2021-2026)

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI 2022

Năm 2022, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng diễn ra trong bối cảnh kinh tế toàn cầu phục hồi chậm lại, lạm phát gia tăng, giá dầu cao, giá nguyên phụ liệu đầu vào cho sản xuất tăng mạnh; bên cạnh đó, những tháng đầu năm, đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp và lây lan nhanh trong cộng đồng; thời tiết diễn biến bất thường đã gây ảnh hưởng nặng nề cho hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Với phương châm "**Đoàn kết kỷ cương, sáng tạo, chủ động thích ứng, an toàn hiệu quả, đẩy mạnh phát triển**", Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, nhất là thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết, Chương trình, Đề án, Kế hoạch của Trung ương, của Tỉnh; trong đó tập trung thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ; 03 chương trình trọng tâm, 03 nội dung đột phá thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; các Chương trình mục tiêu quốc gia và các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh, qua đó kinh tế - xã hội của tỉnh phục hồi, phát triển và đạt được nhiều kết quả nổi bật.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2022

1. Các chỉ tiêu về kinh tế

(1) Tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn ước tăng 5,55% (*thấp hơn 2,45 điểm phần trăm so với kế hoạch (KH)*), trong đó: lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp tăng 2,74%; lĩnh vực công nghiệp - xây dựng tăng 9,17%; lĩnh vực dịch vụ tăng 5,04%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 8,32%: không đạt KH.

(2) GRDP bình quân đầu người đạt 39,48 triệu đồng, đạt 98% KH: không đạt KH.

(3) Giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên 1 đơn vị diện tích (ha) đạt 44 triệu đồng, đạt 100% KH.

(4) Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn (bao gồm cả giá trị hàng hóa giám sát) 820 triệu USD, đạt 130% KH. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu 600 triệu USD, đạt 480% KH; kim ngạch xuất khẩu 120 triệu USD, đạt 40% KH; trị giá hàng giám sát, tạm nhập tái xuất 100 triệu USD, đạt 48,8% KH.

(5) Thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 4.180.000 triệu đồng, bằng 207,1% KH. Trong đó: thu nội địa 1.575.205 triệu đồng, bằng 88,1% KH; thu xuất nhập khẩu 2.600.000 triệu đồng, bằng 1.130% KH.

(6) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 23,3%, vượt 12,3 điểm phần trăm so với KH.

(7) Tỷ lệ chiều dài các tuyến đường huyện, đường xã được nhựa hóa/ bê tông hóa mặt đường 77,5%; Tỷ lệ xã có đường đến trung tâm xã được nhựa hóa/ bê tông hóa đạt 98,8%: vượt KH

2. Các chỉ tiêu về văn hóa, xã hội

(8) Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Xây dựng trường chuẩn quốc gia tăng thêm 10 trường mầm non và phổ thông, đạt 166,7%KH.

(9) Có 15 bác sỹ/vạn dân, đạt 100% KH. Số giường bệnh/ vạn dân đạt 35 giường, đạt 100% kế hoạch. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã đạt 80,1%, vượt 10,5 điểm phần trăm so với KH. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 95,4%, đạt 100% KH.

(10) Tỷ lệ gia đình văn hóa 85%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn văn hóa 95%; tỷ lệ khu dân cư văn hóa 57%: đạt 100% KH

(11) Giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt 4%, đạt 100% KH.

(12) Tỷ lệ lao động qua đào tạo 48,2%, trong đó đào tạo nghề 35,8%; tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị 3,35%, đạt 100% KH.

(13) Số xã điểm đạt từ 17-18 tiêu chí nông thôn mới tăng thêm là 5 xã, đạt 100% KH.

3. Các chỉ tiêu về môi trường

(14) Tỷ lệ che phủ rừng 57,19%, đạt 100% KH.

(15) Dân cư thành thị được dùng nước sạch đạt 86%; dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đạt 92%: đạt KH

(16) Số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn tăng thêm 2.215 hộ, đạt 100% KH.

(17) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 85%, đạt KH; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 87,5%, đạt KH.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN TỪNG LĨNH VỰC

I. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022:

1. Lĩnh vực kinh tế

1.1. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)

9 tháng đầu năm 2022, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tính (GRDP) ước đạt 5,56%; trong đó, tăng cao nhất là khu vực công nghiệp - xây dựng (8,35%) và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm (8,31%), khu vực dịch vụ tăng 5,51% khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,17%¹.

Ước cả năm 2022, tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn ước tăng 5,55% (thấp hơn 2,45 điểm phần trăm so với kế hoạch), trong đó: lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp tăng 2,74%; lĩnh vực công nghiệp - xây dựng tăng 9,17%; lĩnh vực dịch vụ tăng 5,04%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 8,32%².

1.2. Lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới

Năm 2022, thời tiết diễn biến bất thường³, giá phân bón tăng cao, Dịch tả lợn Châu Phi tái phát đã ảnh hưởng nhiều đến sản xuất nông nghiệp. Tỉnh đã chỉ đạo chuẩn bị tốt các điều kiện về giống, vật tư nông nghiệp, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ nạo vét, tu sửa kênh mương để phục vụ sản xuất; đẩy nhanh tiến độ tiêm phòng vắc xin cho vật nuôi; tích cực tuyên truyền; hướng dẫn người dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn; tập trung thực hiện chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới, Đề án nông nghiệp thông minh; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chương trình, đề án trọng tâm trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; tập huấn nâng cao năng lực cho các chủ thể OCOP và tăng cường phòng, chống thiên tai đảm bảo an toàn cho người, nhà ở, công trình xây dựng trong mùa mưa, bão năm 2022, qua đó đã đạt được một số kết quả tốt.

a) Trồng trọt:

Tổng sản lượng lương thực có hạt (lúa, ngô) đạt 297.178,0 tấn, đạt 106,6% KH; bằng 105,1% so với năm 2021. Diện tích, năng suất và sản lượng hầu hết các cây trồng chính của tỉnh có sự tăng trưởng tốt, đến nay nhìn chung đã đạt và vượt KH đề ra⁴.

¹ Theo Công văn số 1563/TCTK-TKQG, ngày 29/9/2022 của Tổng cục Thống kê về việc thông báo số liệu GRDP sơ bộ 6 tháng, ước tính Quý III và 9 tháng năm 2022.

² Theo Công văn số 602/CTK-TKTH ngày 04/11/2022 của Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng.

³ Thời tiết có diễn biến xấu, không khí lạnh kéo dài ngay đúng thời điểm gieo trồng các loại cây trồng chính; đến giữa tháng 5 tiếp tục có không khí lạnh...;

⁴ Kết quả thực hiện các loại cây trồng chính như sau:

b) Chăn nuôi:

Đầu năm 2022, do thời tiết rét đậm, rét hại kéo dài và một số địa phương xuất hiện băng giá đã làm chết 1.015 con gia súc các loại. Tình hình dịch bệnh

+ Cây lúa: Gieo trồng được 30.168,2 ha/29.633,0 ha, đạt 101,8% KH, bằng 104,0% so với năm 2021; Năng suất đạt 46,8 tạ/45,0 tạ /ha, đạt 103,9% KH; Sản lượng đạt 141.082,1 tấn /134.069,0 tấn đạt 105,2% KH, bằng 105,55% so với năm 2021.

+ Cây ngô: Trồng được 41.440,01 ha/39.340,0 ha, đạt 105,3% KH, bằng 100,34 so với năm 2021; năng suất đạt 37,67 tạ/36,8 tạ/ha, đạt 102,4% KH; sản lượng đạt 156.095,91 tấn/144.709,0 tấn đạt 107,9% KH, bằng 99,62% so với năm 2021.

+ Cây sắn: Trồng được 3.023,94 ha/2.026,0 ha đạt 157,13% KH, so với năm 2021 bằng 156,8%; năng suất ước đạt 138,65/152,0 tạ /ha đạt 91,2% KH; sản lượng đạt 41.925,84/30.865 tấn đạt 135,8% KH, so với năm 2021 bằng 143,89%.

+ Cây Dong riềng: Trồng được 474,9 ha/371,0 ha đạt 128,0% KH, so với năm 2021 bằng 116,95%; năng suất ước đạt 536,2 tạ/566,0 tạ /ha đạt 94,7% KH; sản lượng 25.467,9 tấn/21.006,0 tấn đạt 121,2% KH, so với năm 2021 bằng 125,54%.

+ Cây khoai tây: Trồng được 94,5 ha/83,0 ha, đạt 113,8% KH, so với năm 2021 bằng 74,6%; năng suất đạt 162,7 tạ/149,0 tạ/ha đạt 109,2% so với KH; Sản lượng đạt 1.536,7 tấn/1.238,0 tấn đạt 124,1% so với KH, so với năm 2021 bằng 80,9%.

+ Cây thuốc lá: Trồng được 3.289,0 ha/3.056,0 ha, đạt 107,6 % KH, so với năm 2021 bằng 107,7%; năng suất đạt 24,7/25,0 tạ/ha đạt 98,8% KH; Sản lượng đạt 8.127,4/7.678,0 tấn đạt 105,9% KH, so với năm 2021 bằng 104,57%.

+ Cây đỗ tương: Trồng được 2.113,94 ha/2.664,0ha, đạt 79,4% KH, so với năm 2021 bằng 87,8%; năng suất: 9,7 tạ/10,0 tạ/ha đạt 97,1% KH; sản lượng 2.062,54/2.543,0 tấn đạt 81,1% KH, so với cùng kỳ bằng 83,5%.

+ Cây lạc: Trồng được 1.783,64 ha/1.908,0 ha, đạt 93,5% KH, bằng 93,3% so với năm 2021; năng suất: 14,9 tạ/15,0 tạ/ha, đạt 99,4% KH; sản lượng đạt 2.659,01tấn/2.858,0 tấn đạt 93% KH, so với năm 2021 bằng 93,3%.

+ Cây mía: Trồng được 2.761,1 ha/2.948,0 ha đạt 93,7% KH, so với năm 2021 bằng 97,2%; năng suất ước đạt 673,7 tạ/678,0 tạ/ha đạt 99,4% KH; sản lượng ước đạt 186.010,2 tấn/199.990,0 tấn đạt 93,0% KH, so với năm 2021 bằng 107,06%.

+ Cây Thạch đen: trồng 563,7 ha/415 đạt 135,8% KH, so với năm 2021 bằng 109,48%, năng suất ước đạt 54,6/55,0 tạ/ha đạt 99,3% KH; sản lượng ước đạt 3.077,9 tấn/2.268,0 tấn đạt 135,7% KH, so với năm 2021 bằng 105,7%.

+ Cỏ chăn nuôi: trồng 1.774,5 ha/960 ha đạt 184,8% KH; năng suất ước đạt 311,51 tạ/435,0 tạ/ha đạt 71,6% KH; sản lượng ước đạt 55.279,2 tấn/41.800 tấn đạt 132,2% KH.

+ Cây Gừng trâu: trồng 179,5 ha/120 ha đạt 149,6% KH, so với năm 2021 bằng 126,0%, năng suất ước đạt 170,0/170,0 tạ/ha đạt 100% KH; sản lượng ước đạt 2.997,8 tấn/2.040,0 tấn đạt 147% KH, so với năm 2021 bằng 116,9%.

+ Cây Dứa: trồng 95,0 ha/98,5 ha đạt 96,4% KH, năng suất đạt 180,0/180,0 tạ/ha đạt 100,0% KH; sản lượng đạt 1.710,0 tấn/1.773,0 tấn đạt 96,4% KH.

+ Cây rau: trồng 4.242,2 ha; năng suất ước đạt 52,79 tạ/ha; sản lượng ước đạt 23.393,8 tấn.

+ Khoai lang: trồng 639,6 ha; năng suất ước đạt 77,8 tạ/ha; sản lượng ước đạt 4.976,0 tấn.

+ Cây mạch hoa + mỳ: trồng 80,5 ha, so với năm 2021 bằng 252,2%, năng suất ước đạt 5,3 tạ/ha; sản lượng ước đạt 42,6 tấn so với năm 2021 bằng 191,0%.

+ Cây Chanh leo: trồng 8,5 ha; năng suất ước đạt 200 tạ/ha; sản lượng ước đạt 170,0 tấn.

+ Cây Cam: Diện tích trồng hiện có 139,4 ha, diện tích cho thu hoạch 73,4 ha; sản lượng ước 1.259,8 tấn.

+ Cây Quýt: Diện tích trồng hiện có 129,59 ha, diện tích cho thu hoạch 50,02 ha; sản lượng ước 188,9 tấn.

+ Cây Dè, diện tích trồng hiện có 516ha, diện tích cho thu hoạch 208,8ha, năng suất 14,1 tạ/ha; sản lượng 294 tấn.

+ Cây Lê, diện tích trồng hiện có 449,5ha, diện tích cho thu hoạch 84,41 ha, năng suất 100 tạ/ha; sản lượng 844,1 tấn.

+ Cây Hòe, diện tích trồng hiện có 6.198 ha, bằng 117% so với cùng kỳ, năng suất đạt 6 tạ/ha; sản lượng 3.710 tấn, bằng 102,5% so với cùng kỳ.

+ Cây Quế, diện tích trồng hiện có 4.039 ha, bằng 100,9% so với cùng kỳ, năng suất đạt 0,5 tạ/ha; sản lượng 324 tấn.

+ Trúc Sào: diện tích trồng hiện có 4.358,32 ha, bằng 100,2% so với cùng kỳ (diện tích trồng mới 9,91 ha, diện tích mọc lan: 32,51, diện tích chưa cho khai thác: 349,95). Sản lượng 8.097 nghìn cây, tăng 103,7% so với cùng kỳ.

+ Cây Dâu tằm (huyện Bảo Lạc): Diện tích hiện có là 336,5 ha. Trồng mới từ đầu năm đến nay là 26,5 ha.

...

trong chăn nuôi diễn biến phức tạp, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi tiếp tục phát sinh ổ dịch mới và tái phát trở lại tại một số địa phương sau khi đã qua 21 ngày⁵; Bệnh Viêm da nổi cục tái phát 01 ổ dịch do đàn gia súc đã hết thời gian miễn dịch đối với bệnh sau tiêm phòng năm 2021 (tại xã Thạch Lâm, huyện Bảo Lâm) làm mắc 07 con bò của 7 hộ chăn nuôi/3 xóm. Tỉnh đã chỉ đạo tiếp tục tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi và làm tốt công tác tuyên truyền, đẩy nhanh hơn nữa công tác tiêm phòng vắc xin cho gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh. Tổng đàn vật nuôi cơ bản được duy trì, sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng so với cùng kỳ năm trước⁶. Tỷ lệ chuồng trại gia súc di dời ra khỏi gầm sàn nhà ở ước thực hiện năm 2022 là 2.215 hộ, đạt 100% KH.

c) Lâm nghiệp

Chỉ đạo duy trì thực hiện công tác kiểm tra, chăm sóc, khoanh nuôi rừng. Ước thực hiện năm 2022 trồng rừng Dự án bảo vệ và phát triển rừng được 1.800 ha, đạt 100% KH⁷.

d) Thủy lợi và phòng, chống thiên tai

Chỉ đạo triển khai một số giải pháp để đảm bảo nguồn nước, chất lượng, số lượng nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh; tổ chức tập huấn năng lực quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

Chỉ đạo xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định một số mức chi hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp tỉnh Cao Bằng; tổ chức kiểm tra hiện trường, khắc phục hậu quả thiên tai. Duy trì hoạt động Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự (PTDS), Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (TKCN) tỉnh⁸.

đ) Công tác xây dựng nông thôn mới và thực hiện các Chương trình, đề án, dự án trong lĩnh vực nông nghiệp

Kiến toàn Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 – 2025; Ban hành kế hoạch giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

⁵ Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: Tính từ đầu năm đến 31/10/2022, dịch đã xảy ra tại 687 hộ chăn nuôi thuộc 156 thôn, xóm/68 xã, phường, thị trấn/10 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh, làm mắc và buộc tiêu hủy 3.682 con lợn các loại với tổng trọng lượng là 147.932 kg.

⁶ Tổng số trâu: 105.301 con, so với cùng kỳ năm trước bằng 104,5%. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng tính từ đầu năm đạt 1.538 tấn, bằng 103,44% so với cùng kỳ.

- Tổng số bò: 107.105 con, so với cùng kỳ năm trước bằng 99,42%. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng tính từ đầu năm đạt 1.720 tấn, bằng 101,3% so với cùng kỳ

- Tổng đàn lợn: 311.769 con, so với cùng kỳ năm trước bằng 105,58%. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng tính từ đầu năm đạt 21.197 tấn, bằng 103,02% so với cùng kỳ.

- Tổng số gia cầm: 2.998 nghìn con, so với cùng kỳ năm trước bằng 100,39%. Tổng sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng tính từ đầu năm đạt 5.447 tấn, bằng 100,73% so với cùng kỳ.

- Tổng sản lượng thủy sản ước tính đạt 472 tấn, đạt 100%KH, bằng 98,5% so với năm trước.

⁷ 10 tháng năm 2022, khai thác gỗ đạt 14.326,35m³ sản lượng gỗ khai thác, bằng 58,4% so với cùng kỳ năm 2021; xảy ra 184 vụ vi phạm về quản lý bảo vệ rừng, bằng 113,6% so với cùng kỳ năm trước.

⁸ 10 tháng năm 2022 xảy ra 17 đợt thiên tai, làm 08 người chết, nhiều vật nuôi bị cuốn trôi, ảnh hưởng nhiều công trình giao thông, điện và nhà dân; gần 1.400ha đất nông nghiệp bị ảnh hưởng. Ước tính giá trị thiệt hại khoảng 38,3 tỷ đồng.

giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới tỉnh Cao Bằng năm 2022. Năm 2022, trên địa bàn tỉnh chưa có thêm xã nào đạt chuẩn nông thôn mới, toàn tỉnh duy trì 17 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 12,2% trên tổng số xã; có 11 xã đạt 15-18 tiêu chí, tăng 5 xã so với năm 2021; 64 xã đạt 10-14 tiêu chí, tăng 12 xã so với năm 2021; 47 xã đạt 7-9 tiêu chí, giảm 17 xã so với năm 2021. Tiêu chí bình quân của tỉnh đạt 11,63 tiêu chí/xã, tăng 0,56 tiêu chí/xã so với năm 2021⁹.

Tổ chức lớp tập huấn nâng cao năng lực và nhận thức về Chương trình OCOP cho đối tượng là cán bộ quản lý, phụ trách Chương trình OCOP ở các cấp; các chủ thể sản xuất tham gia Chương trình OCOP. Tính đến nay, toàn tỉnh có 58 sản phẩm được công nhận và xếp hạng đạt sao OCOP cấp tỉnh, trong đó có 3 sản phẩm đạt 4 sao, còn lại là các sản phẩm đạt 3 sao.

Chỉ đạo tiếp tục theo dõi, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện 40 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế và 8 dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (nguồn bổ sung dự toán năm 2021).

1.3. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp và thương mại, dịch vụ

UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt để triển khai các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại và dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Trong đó, quan tâm giải quyết khó khăn về nguyên liệu đầu vào cho các dự án chế biến khoáng sản và những vướng mắc khác tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động. Chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 10/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đầu tư xây dựng các công trình cấp điện cho các xóm chưa có điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025.

Chỉ đạo đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch gắn với các nhiệm vụ thực hiện nội dung đột phá về phát triển du lịch - dịch vụ bằng nhiều giải pháp tích cực. Ban hành và chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo nguồn cung hàng hóa thiết yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn tỉnh theo các tình huống của dịch bệnh COVID-19, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả. Thành lập Tiểu ban và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Tiểu ban thực hiện nội dung đột phá về phát triển kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025; chỉ đạo xây dựng “vùng xanh” - vùng an toàn dịch bệnh COVID-19 tại các cửa khẩu nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy xuất khẩu nông sản, xử lý tình trạng ùn tắc tại các cửa khẩu trên địa bàn. Chỉ đạo phát triển các ngành dịch vụ nhằm tạo động

⁹ Kết quả Huy động nguồn lực thực hiện Chương trình: 4.952,344 tỷ đồng. Trong đó: Nguồn NSTW: 235,05 tỷ đồng; Nguồn NSDP (tỉnh, huyện): 149,59 tỷ đồng; Vốn tín dụng: 4.565 tỷ đồng; Huy động từ cộng đồng dân cư: 2,144 tỷ đồng; Huy động khác: 0,56 tỷ đồng. Hiện nay các đơn vị được giao vốn đang tiến hành triển khai các nội dung được phê duyệt, chưa có kết quả giải ngân thực hiện nguồn vốn.

lực phát triển, củng cố sự liên kết, bảo đảm đầu ra cho các ngành khác và tác động lan tỏa tới mọi lĩnh vực kinh tế của tỉnh.

- Sản xuất công nghiệp-TTCN ổn định, tuy gặp nhiều khó khăn nhưng được sự chỉ đạo quyết liệt và hỗ trợ của cấp ủy, chính quyền địa phương, các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất công nghiệp đã nỗ lực khắc phục khó khăn, huy động tối đa nguồn lực để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, một số ngành chủ lực có tốc độ tăng trưởng cao so với năm trước như: điện sản xuất (tăng 32%), Ferro mangan các loại (tăng 131%)... Ước thực hiện năm 2022, giá trị sản xuất công nghiệp theo giá hiện hành là 5.620 tỷ đồng, đạt 100% KH, bằng 106% so với năm 2021; theo giá so sánh là 4.030 tỷ đồng, đạt 100% KH, bằng 106,1% so với năm 2021.

- Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa qua địa bàn bị ảnh hưởng lớn bởi việc Trung Quốc tiếp tục kiên trì chính sách “Zero Covid”, thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19, việc giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu theo phương thức “không tiếp xúc” nên ảnh hưởng đến năng lực thông quan tại các cửa khẩu, nhất là hàng hóa xuất khẩu. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn ước thực hiện năm 2022 tăng so với năm 2021, nguyên nhân là do kim ngạch nhập khẩu tăng đột biến, phát sinh nhập khẩu mặt hàng ô tô nguyên chiếc giá trị lớn; tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu và giá trị hàng hóa giám sát ước thực hiện không đạt kế hoạch và đạt thấp so với năm 2021.

Ước thực hiện năm 2022, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn đạt 820 triệu USD, đạt 130% KH, bằng 102,4% so với năm 2021¹⁰.

- Thương mại nội địa ít biến động, giá cả một số mặt hàng nhu yếu phẩm tương đối ổn định, không xảy ra tình trạng khan hiếm hoặc tăng giá đột biến. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch COVID-19 những tháng đầu năm 2022 và giá cả nhiều hàng hóa tăng cao nên sức mua sụt giảm, ước thực hiện cả năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng là 8.615 tỷ đồng, đạt 88,3% KH, bằng 116,5% so với năm 2021.

- Dịch vụ du lịch là lĩnh vực có kết quả phục hồi ấn tượng: Tỉnh đã chỉ đạo triển khai hiệu quả hoạt động phục hồi và mở cửa du lịch trong điều kiện bình thường mới, tập trung thực hiện Đề án "Bảo tồn, phát huy giá trị dân ca, dân vũ, dân nhạc các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2022 - 2030" trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; đồng thời ban hành các kế hoạch về phát triển du lịch - dịch vụ bền vững; đẩy mạnh việc đổi mới nội dung, hình thức, phạm vi quảng bá về du lịch; thực hiện việc số hóa các ấn phẩm du lịch để quảng bá rộng rãi trên Internet; xây dựng hình ảnh du lịch Cao Bằng "*thân thiện, an toàn và hấp dẫn*"; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch, các Hội nghị nâng cao nhận thức và sự quan tâm tham gia của cộng đồng về phát triển du lịch bền vững trên địa bàn tỉnh như: tổ chức Hội thi sáng tạo ẩm thực du lịch "*Món ngon miền Non*

¹⁰Trong đó: Kim ngạch nhập khẩu đạt 600 triệu USD, bằng 336% so với năm 2021, đạt 480% KH; kim ngạch xuất khẩu đạt 120 triệu USD, bằng 35,7% so với năm 2021, đạt 40% KH; kim ngạch giám sát đạt 100 triệu USD, bằng 35% so với năm 2021, đạt 48,8%KH.

nước” tỉnh Cao Bằng; Lễ hội du lịch Thác Bản Giốc năm 2022; tổ chức Lễ khánh thành công trình Phố đi bộ ven sông Bằng;... Triển khai hoàn thành công tác đón tiếp và làm việc với Đoàn chuyên gia UNESCO thực hiện nhiệm vụ tái thẩm định danh hiệu CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng và nhận cờ đăng cai Hội nghị Quốc tế lần thứ 8 của mạng lưới CVĐC Toàn cầu UNESCO khu vực châu Á Thái Bình Dương 2024. Ước thực hiện năm 2022, tổng lượt khách đạt 1.042.100 lượt, đạt 104,3% KH, bằng 250,6% so với năm 2021¹¹.

- Dịch vụ vận tải hành khách phục hồi khá chậm do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 và giá xăng, dầu tăng cao. Ước thực hiện năm 2022, vận chuyển hành khách đạt 35.998 lượt xe (bằng 112,37% so với năm 2021), 279.041 lượt hành khách (bằng 88% so với năm 2021).

- Các loại hình dịch vụ khác như: tài chính, bảo hiểm, ngân hàng, y tế, giáo dục... hoạt động ổn định, cơ bản đáp ứng nhu cầu của nhân dân và doanh nghiệp¹².

1.4. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch, xây dựng

Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch và xây dựng được triển khai cẩn trọng, tích cực. UBND tỉnh Cao Bằng đã chủ động, tích cực xây dựng kế hoạch, tập trung, ưu tiên nguồn lực, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức lập Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đến nay đã hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Cao Bằng trình Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 cấp quốc gia. Triển khai giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 chi tiết đến từng địa phương, đơn vị đúng mục tiêu, đúng nguyên tắc, đúng tiêu chí, định mức theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Nghị quyết của HĐND tỉnh. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các ngành, địa phương tập trung triển khai thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản một cách quyết liệt ngay từ đầu năm, thành lập Tổ công tác tiếp nhận và hỗ trợ triển khai dự án đầu tư; Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022; tổ chức Hội nghị về đầu tư công và tiến độ giải ngân vốn xây dựng cơ bản năm 2022, chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2022; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, rà soát đối với các dự án đầu tư theo Luật Đầu tư; chỉnh sửa, hoàn thiện kế hoạch đầu tư công năm 2023. Triển khai Kế hoạch kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải ngân vốn đầu tư công và 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022.

¹¹ Trong đó: khách du lịch quốc tế ước đạt 14.200 lượt, bằng 930,5% so với năm 2021, đạt 71% KH; khách du lịch nội địa ước đạt 1.028.900 lượt, bằng 148% so với năm 2021, đạt 105% KH. Tổng thu du lịch ước đạt 547,6 tỷ đồng, bằng 659 % so với cùng kỳ, đạt 438% KH.

¹² Trên địa bàn tỉnh hiện có 38 chi nhánh, phòng giao dịch thuộc hệ thống ngân hàng thương mại, đã lắp đặt 43 máy ATM/CDM, 153 thiết bị chấp nhận thẻ (POS), 100 mã QR được khách hàng đăng ký dịch vụ với các ngân hàng thương mại để phục vụ hoạt động thanh toán, hiện đang lưu hành 413.350 thẻ ATM, so với đầu năm tăng 135.825 thẻ.

Chỉ đạo xây dựng, triển khai các văn bản quản lý về quy hoạch kiến trúc, hoạt động xây dựng; hoàn thiện Bảng giá nhà và các công trình xây dựng gắn liền với đất khi bồi thường, đền bù. Chỉ đạo bám sát diễn biến thị trường vật liệu xây dựng, kịp thời cập nhật, công bố điều chỉnh giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá xây dựng cho phù hợp mặt bằng giá thị trường, tránh hiện tượng “đầu cơ, thổi giá”. Tập trung tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển đô thị. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch các đô thị, quy hoạch nông thôn; hướng dẫn, triển khai các văn bản quản lý nhà nước về hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; hướng dẫn một số nội dung thực hiện Đề án "Hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2023".

Kiện toàn Ban Chỉ đạo và ban hành, chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch về việc triển khai thực hiện Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng (giao thông, du lịch, cửa khẩu, đô thị, hạ tầng số) trên địa bàn tỉnh năm 2022; Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022-2025. Chỉ đạo tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của dự án đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (Cao Bằng) theo hình thức PPP; thực hiện tốt công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, theo dõi các điểm có nguy cơ và cảnh báo phương tiện giao thông, tổ chức ứng trực trên các tuyến đường được giao quản lý, chuẩn bị sẵn sàng vật tư, phương tiện để khắc phục kịp thời các sự cố giao thông, đảm bảo giao thông thông suốt.

Ước thực hiện năm 2022, vốn kế hoạch năm 2022 giải ngân được: 3.962,4 tỷ đồng, đạt 89,3% KH (số giải ngân ước đến 31/01/2023).

Giải ngân vốn đầu tư công gặp nhiều khó khăn do nhiều dự án vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng; công tác chuẩn bị đầu tư của một số đơn vị chủ đầu tư chưa tốt, chất lượng hồ sơ chưa đảm bảo, phải chỉnh sửa nhiều lần, nhiều dự án vướng thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác¹³; thiếu nguồn cung vật liệu xây dựng, một số dự án, nhiệm vụ chiếm tỷ trọng vốn lớn trong tổng kế hoạch đầu tư công năm 2022 của tỉnh, nhưng giải ngân chậm hoặc chưa đủ điều kiện giải ngân; nguồn vốn CTMTQG (*chiếm 27% tổng vốn đầu tư công năm 2022 được Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh*) được giao vốn chậm (tháng 7/2022).

1.5. Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường

Công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường được quan tâm, có biện pháp chỉ đạo thực hiện kịp thời, hiệu quả. Trong đó: Thường xuyên rà soát, nghiên cứu và kịp thời đề xuất, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về việc điều chỉnh quy định không còn phù hợp với thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Tăng cường chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước về giá đất; quan tâm xây dựng, ban hành, tổ chức triển khai nhiều văn bản quản lý lĩnh vực đất đai¹⁴;

¹³ Dự án đường giao thông đôn biên phòng Cốc Pàng (155) ra các mốc từ 520-534; Dự án cải tạo, nâng cấp đường từ thị trấn Xuân Hòa – thị trấn Thông Nông; Dự án đường 208

¹⁴ Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 của 10 huyện, thành phố; Chỉ đạo xây dựng dự thảo Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025; Thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch, Kế

Chỉ đạo giải quyết các hồ sơ, thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai kịp thời, đúng quy định. Chỉ đạo, đơn đốc hoàn thiện Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng); hoàn thành Phương án quy hoạch phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; chỉ đạo công tác lập Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2023; làm rõ một số tồn tại hạn chế trong việc chấp hành các quy định pháp luật về đất đai, khoáng sản, môi trường, thực hiện nghĩa vụ ngân sách; tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, điều chỉnh khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh; đạo xây dựng dự thảo Đề án chính sách khai thác vật liệu xây dựng tại chỗ sử dụng cho các công trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2022 - 2025.

Chỉ đạo xây dựng dự thảo Kế hoạch quan trắc chất lượng môi trường năm 2022; triển khai xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2025. Chỉ đạo thực hiện theo dõi vận hành, bảo dưỡng 02 trạm quan trắc tự động môi trường nước và 02 trạm quan trắc tự động môi trường không khí với tần suất 01 lần/ tuần.

1.6. Công tác quản lý, điều hành ngân sách và các tổ chức tín dụng

Công tác quản lý, điều hành ngân sách và các tổ chức tín dụng được thực hiện chặt chẽ, có hiệu quả, trong đó: đã tổ chức triển khai kịp thời, đúng quy định các văn bản pháp luật về thuế mới, sửa đổi, bổ sung; quyết liệt thực hiện các biện pháp đơn đốc thu hồi nợ đọng, cưỡng chế nợ thuế đúng quy định; rà soát các doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh, đưa vào quản lý thuế; đơn đốc kê khai, nộp các loại thuế vào Ngân sách nhà nước đúng thời gian quy định; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát kê khai thuế của người nộp thuế để chủ động đơn đốc người nộp thuế nộp sát đúng với thực tế phát sinh; kiên quyết xử phạt đối với các trường hợp vi phạm quy định về kê khai thuế.

Chỉ đạo thực hiện công tác khóa sổ trên tabmis năm 2021 theo quy định; hướng dẫn tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2022; kiểm tra việc chấp hành dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2022; tổng hợp, xây dựng Dự toán ngân sách địa phương năm 2023; Kế hoạch tài chính NSNN 03 năm 2023-2025; xây dựng các Nghị quyết trong lĩnh vực quản lý, điều hành ngân sách trình HĐND tỉnh¹⁵. Chỉ đạo tăng cường

hoạch sử dụng đất cấp huyện. Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 – 2030, Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của 10 huyện, thành phố; chỉ đạo công tác lập Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2023; Chỉ đạo tổng hợp kết quả rà soát Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, xem xét sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 theo quy định; tiếp tục thực hiện công tác xác định giá đất cụ thể, đẩy nhanh tiến độ công tác đấu giá đất;...

¹⁵ Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 8 Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022, thời kỳ ổn định 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 91/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết Quy định thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, cấp huyện và thời hạn Ủy ban nhân dân các cấp gửi báo cáo quyết toán ngân sách hằng năm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết cá biệt phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2021; Nghị quyết cá biệt quyết

công tác quản lý, sử dụng kinh phí và tài sản được giao một cách chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện chi trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định; Chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý giá, phí, lệ phí; kịp thời triển khai Luật, Nghị định, Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định về giá, phí, lệ phí; thẩm định xác định giá khởi điểm để bán đối với các cơ sở nhà đất đủ điều kiện theo quy định.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng cao, ước thực hiện năm 2022, thu ngân sách trên địa bàn đạt 4.180.000 triệu đồng; so với dự toán HĐND giao đạt 207,1%; so với năm 2021 bằng 214%¹⁶. Chi ngân sách 12.158.000 triệu đồng, so với dự toán HĐND giao đạt 111%; so với năm 2021 bằng 129%. Tổng thu tăng cao chủ yếu do tăng số thu thuế xuất nhập khẩu. Thu nội địa không đạt kế hoạch, chủ yếu do thu tiền sử dụng đất không đạt kế hoạch và do thực hiện các chính sách miễn, giảm thuế.

Chỉ đạo tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tiếp tục ưu tiên đầu tư vốn tín dụng vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, nông nghiệp, nông thôn, không nới lỏng các quy định trong thẩm định, cho vay, tuân thủ nghiêm quy định của pháp luật; tích cực triển khai các biện pháp thu hồi, xử lý nợ xấu mới phát sinh; triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất theo quy định. Hoạt động tín dụng tương đối ổn định¹⁷.

1.7. Công tác Khoa học và Công nghệ

Chỉ đạo xây dựng và ban hành một số văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh¹⁸; Tiếp tục theo dõi, quản lý các nhiệm vụ KH&CN theo quy định¹⁹; Duy trì hoạt động quản lý công nghệ, an toàn bức xạ, sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh; Tăng cường hướng dẫn và kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường chất lượng đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, trong đó tiến hành kiểm tra nhà nước về đo lường, chất lượng đối với 32 cơ sở sản xuất kinh doanh; tổ chức kiểm

định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2023.

¹⁶ Trong đó: Thu nội địa 1.575.205 triệu đồng; so với dự toán HĐND giao đạt 88,1%; so với năm 2021 bằng 105%. Thu thuế xuất nhập khẩu 2.600.000 triệu đồng; so với dự toán HĐND giao đạt 1.130%; so với năm 2021 bằng 597%.

Riêng ước thu từ đầu giá: ước thực hiện 350 tỷ đồng, so với dự toán HĐND giao đạt 70%; so với năm 2021 bằng 194%.

¹⁷ Ước thực hiện 31/12/2022, tổng nguồn vốn quản lý, huy động trên địa bàn tỉnh 26.300 tỷ đồng, so với đầu năm tăng 4,7%. Tổng dư nợ cho vay nền kinh tế ước đạt 14.530 tỷ đồng, so với 31/12/2021 tăng 13%. Nợ xấu ước 180 tỷ đồng, chiếm 1,24% trong tổng dư nợ.

¹⁸ Quy chế hoạt động của Hội đồng KH&CN tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định phê duyệt đề án Tái cơ cấu nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến 2030 gắn với phát triển kinh tế - xã hội; Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 93/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030. Đề án Phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh Cao Bằng đến năm 2030; Dự thảo các Đề án: “Đề án phát triển Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”; “Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết tại Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN”.

¹⁹ Quản lý, theo dõi và đôn đốc thực hiện đối với 39 nhiệm vụ KH&CN đang được triển khai trên địa bàn tỉnh: gồm 01 dự án cấp thiết địa phương sử dụng kinh phí cấp quốc gia, 06 nhiệm vụ thuộc Chương trình Nông thôn miền núi, 29 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, 03 nhiệm vụ cấp cơ sở.

tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 đối với 13 cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn đối với các phương tiện đo (dự kiến đến cuối năm kiểm định được 3.000 phương tiện đo), thử nghiệm vật liệu xây dựng 02 mẫu gạch bê tông, đo điện trở nổi đất được 126 điểm đo; hoàn thành công tác đánh giá phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến (02 đợt/năm); tăng cường tuyên truyền, phổ biến các kiến thức khoa học, kỹ thuật cho nhân dân.

1.8. Công tác hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã

Chỉ đạo nghiên cứu và triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2022; tổ chức Hội nghị triển khai các giải pháp khắc phục hạn chế trong công tác cải cách hành chính và chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, huyện, thành phố (DDCI); tiếp tục quan tâm triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã. Ban hành và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư tỉnh Cao Bằng năm 2022. Chỉ đạo triển khai Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số, phát triển kinh tế số. Ban hành Kế hoạch triển khai chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch công tác tuyên truyền về kinh tế tập thể và HTX năm 2022; xây dựng Kế hoạch thực hiện chương trình hành động về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2025. Thực hiện cấp Chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kịp thời, đúng quy định:

Ước thực hiện năm 2022, đăng ký thành lập mới 168 doanh nghiệp, đạt 100% KH năm, bằng 101% so với năm 2021; thành lập mới 28 HTX, đạt 200% KH năm, bằng 62,2% so với năm 2021.

1.9. Sắp xếp, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước:

(1) Cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cấp nước

- Trong năm 2020, UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo công tác cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước²⁰.

Công ty TNHH MTV Cấp nước đã thuê tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, các ngành chức năng đã thẩm định trình UBND tỉnh và xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước Cao Bằng trong năm 2020²¹.

⁽²⁰⁾ Quyết định số 541/QĐ- UBND ngày 17/4/2020 về việc phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Cao Bằng; Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 07/9/2020 về việc phê duyệt phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng; Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 về việc phê duyệt Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.

⁽²¹⁾ Tờ trình số 3182/TTr-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về xin ý kiến tình hình, kết quả và phương án cổ phần hóa tại Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng, Công ty TNHH Đầu tư phát triển và Môi trường Cao Bằng.

- Những khó khăn còn vương mắc tại Công ty TNHH MTV Cấp nước:

Trong năm 2020, các tỉnh thực hiện cổ phần hóa Công ty cấp nước gặp một số khó khăn vương mắc vốn và tài sản lớn, tỷ suất lợi nhuận thấp, mặt khác sản phẩm công ty cấp nước là sản phẩm dịch vụ công ích mặt hàng thiết yếu nước sạch, nước sinh hoạt phục vụ cho nhu cầu đời sống xã hội, đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương do đó nhà nước cần phải giữ vai trò chủ đạo đối với các doanh nghiệp kinh doanh nước sạch.

Trong năm 2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã dự thảo Quyết định về tiêu chí phân loại doanh nghiệp do Nhà nước đầu tư vốn thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại giai đoạn 2021- 2025 thay thế Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trong đó quy định đối với Công ty cấp nước nhà nước nắm giữ dưới 50% sửa đổi thành tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 65% vốn điều lệ đồng thời theo quy định phê duyệt xác định giá trị doanh nghiệp không được vượt quá 12 tháng. Vì vậy tình tạm thời chưa thực hiện cổ phần hóa chờ văn bản chính thức của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 02/7/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021 – 2025, trong đó quy định đối với Công ty cấp nước nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 65% vốn điều lệ vì vậy UBND tỉnh đã xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy và đã có Thông báo Kết luận nhất trí đối với Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng nhà nước nắm giữ tỉ lệ 64% vốn điều lệ²².

UBND tỉnh đã có Công văn số 2492/UBND-TH ngày 20/9/2021 về việc xây dựng Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2021-2025 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay Thủ tướng Chính phủ chưa ban hành Quyết định phê duyệt nên chưa triển khai được cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước trong năm 2022. Do đó, sau khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt Danh mục DNNN hoàn thành cổ phần hóa theo từng năm giai đoạn 2021- 2025, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan triển khai thực hiện cổ phần hóa trong năm 2023.

(2) Cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư phát triển và Môi trường

- Trong năm 2020, UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo công tác cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư phát triển và Môi trường²³.

Công ty đã thuê tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp năm 2021. Tuy nhiên,

⁽²²⁾ Thông báo số 58-TB/TU ngày 09/8/2021 của Thường trực Tỉnh ủy thông báo kết luận cuộc họp thường trực Tỉnh ủy lần thứ 25; Công văn số 579-CV/VPTU ngày 11/8/2021 của Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết luận cuộc họp Thường trực Tỉnh ủy về phương án chuyển đổi số sở hữu tỉ lệ vốn điều lệ Nhà nước nắm giữ đối với Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.

⁽²³⁾ Quyết định số 540/QĐ- UBND ngày 17/4/2020 về việc phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư phát triển và Môi trường Cao Bằng; Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 07/9/2020 về việc phê duyệt phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa của Công ty TNHH Đầu tư phát triển và Môi trường Cao Bằng; Quyết định số 2098/QĐ-UBND 30/10/2020 về việc phê duyệt Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư phát triển và Môi trường Cao Bằng.

trong quá trình triển khai tại thời điểm trên các cơ quan chức năng đang thực hiện điều tra tình hình tài chính doanh nghiệp liên quan đến Công ty nên tạm dừng chưa thực hiện cổ phần hóa. Do đó, sau khi kết thúc và có kết luận về tình hình tài chính tại doanh nghiệp của cơ quan chức năng, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan triển khai thực hiện cổ phần hóa theo quy định.

2. Lĩnh vực Văn hóa, xã hội

2.1. Văn hóa - Thể thao

Ban hành và triển khai các văn bản quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao. Tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 Quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà văn hóa xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022 – 2025; Nghị quyết số 59/2022/NQ-HĐND ngày 0/8/2022 Quy định mức chi thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, ý nghĩa kỷ niệm các ngày lễ của đất nước. Tích cực tổ chức và tham gia các cuộc thi, liên hoan, ngày hội, lễ hội tại tỉnh và khu vực đạt được kết quả cao: Tổ chức Liên hoan hát Then, Đàn tính tỉnh Cao Bằng lần thứ III năm 2022. Tham gia Ngày hội văn hóa dân tộc Dao lần thứ II năm 2022 tại tỉnh Thái Nguyên,... Đổi mới nội dung, hình thức, đa dạng hoạt động đưa văn hóa thông tin về cơ sở, xây dựng phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” ngày càng hiệu quả và được các cấp các ngành quan tâm triển khai thực hiện đồng bộ. Tiếp tục chỉ đạo triển khai bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình.

Phong trào thể dục thể thao (TDTT) trên địa bàn tỉnh ngày càng phát triển và được quan tâm đẩy mạnh. UBND tỉnh đã tham mưu Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 17/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thể dục thể thao giai đoạn 2021-2025; triển khai Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 24/01/2022 về tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao cấp tỉnh và tham gia các giải khu vực và toàn quốc năm 2022. Tổ chức thành công nhiều hoạt động, sự kiện thể thao quy mô lớn, có sức lan tỏa rộng trong cộng đồng như: Đại hội TDTT tỉnh Cao Bằng lần thứ IX năm 2022; Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân cấp tỉnh năm 2022; Tổ chức 6/6 giải thể thao cấp tỉnh, đạt 100% KH; Tổ chức 03/03 giải thể thao cấp toàn quốc tại tỉnh đạt 100% KH năm; Tham gia 15/10 giải khu vực và toàn quốc đạt 115 huy chương các loại. Duy trì công tác đào tạo, huấn luyện và giảng dạy 200 vận động viên các đội tuyển thể thao.

2.2. Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện "Xây dựng xã hội học tập, giai đoạn 2021-2030" trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTNT trên địa bàn các huyện, thành phố; chuẩn bị các điều kiện thực hiện PCGD mầm non cho trẻ mẫu giáo; tiếp tục duy trì, giữ vững đạt chuẩn PCGDTH đối với các đơn vị đã đạt mức độ 3; tiếp tục duy trì nâng cao kết quả PCGD THCS đã đạt được của năm 2021, duy trì và giữ vững các xã, huyện

đạt mức độ 2, mức độ 3. Chuẩn bị các điều kiện kiểm tra công nhận PCGD, xóa mù chữ năm 2022.

Thực hiện tốt công tác tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2022-2023; tổ chức xét duyệt học sinh vào lớp 10 các trường Dân tộc nội trú ngoài tỉnh; tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 tỉnh Cao Bằng đảm bảo an toàn phòng chống dịch COVID-19, chặt chẽ, đúng quy chế và đạt kết quả tốt²⁴; hoàn thành năm học 2021-2022 đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng²⁵; Ban hành khung thời gian năm học 2022-2023. Chỉ đạo thường xuyên kiểm tra nắm tình hình, tư vấn việc tổ chức dạy học theo Chương trình GDPT, GDTX mới. Hoàn thiện tài liệu Giáo dục địa phương lớp 8, 9, 10. Tổ chức Hội nghị trực tuyến về công tác giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp giữa các tỉnh: Cao Bằng, Hà Giang, Lạng Sơn, Quảng Ninh (Việt Nam) và Quảng Tây (Trung Quốc) năm 2022.

Chỉ đạo tổ chức kiểm tra, công nhận mới 10 trường học đạt chuẩn Quốc gia, đạt 166,7% KH, nâng tổng số trường học đạt chuẩn quốc gia lên 174 trường. Công nhận lại 15 trường học đạt chuẩn quốc gia. Chỉ đạo triển khai công tác đánh giá ngoài để công nhận kiểm định chất lượng giáo dục và trường đạt chuẩn quốc gia năm 2022. Chỉ đạo rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp học; so với năm học 2020 - 2021, toàn tỉnh giảm thêm 06 cơ sở giáo dục bao gồm: 03 trường mầm non, 03 trường tiểu học²⁶.

Tiếp tục chỉ đạo công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trong toàn ngành giáo dục, đảm bảo an toàn phòng chống dịch COVID-19 trong các trường học, phối hợp tuyên truyền, tổ chức tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ đủ từ 5 đến dưới 18 tuổi.

2.3. Y tế

Chỉ đạo công tác thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng, chống COVID-19, chủ động, sẵn sàng nhiều phương án, đáp ứng với các tình huống

²⁴ Tỷ lệ tốt nghiệp THPT năm 2022 đạt 97,5%, tăng 1,5% so với năm 2021; điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp THPT năm 2022 đạt 6,058 điểm, Cao Bằng xếp thứ 54/63 tỉnh, thành phố, tăng 07 bậc so với năm 2021.

²⁵ *Chất lượng giáo dục ở các cấp học được nâng lên*, trong đó: Giáo dục Mầm non có tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi ở lứa tuổi nhà trẻ và mẫu giáo đều giảm so với năm trước; Chất lượng Giáo dục Tiểu học xét về tiêu chí Đánh giá các môn học có: 39,86% học sinh đạt mức Hoàn thành tốt; 59,17% đạt mức học sinh Hoàn thành; 0,97% học sinh ở mức Chưa hoàn thành 0,97% học sinh; Chất lượng học tập cấp trung học cơ sở: Kết quả xếp loại lớp 6 (Chương trình mới) như sau: Tốt: 9,70%, Khá: 35,30%, xếp loại Đạt: 51,60%, xếp loại Chưa đạt: 3,40%; Kết quả xếp loại học lực các lớp 7; 8; 9: Giỏi: 14,01%, Khá: 43,35%, Trung bình: 41,46%, Yếu: 1,17%, Kém: 0,03%; Chất lượng giáo dục cấp trung học phổ thông: Hạnh kiểm: Tốt: 86,52%, Khá: 11,08%, Trung bình: 2,32%, Yếu: 0,08%; Học lực: Giỏi: 15,45%; Khá: 56,13%; Trung bình: 27,47%; Yếu: 0,94%; Kém: 0,02%;...

+ *Số lượng học sinh giỏi đoạt giải tại các kỳ thi cấp tỉnh và cấp quốc gia cao:*

- Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 9 và lớp 12: Lớp 12 đạt 06 giải Nhất, 61 giải Nhì, 107 giải Ba, 149 giải Khuyến khích; Lớp 9 đạt 01 giải Nhất, 17 giải Nhì, 61 giải Ba, 89 giải Khuyến khích;

- Thi học sinh giỏi quốc gia lớp 12 năm học 2021 -2022: Cao Bằng đã đạt 06 giải, trong đó: 02 giải ba môn Địa lí; 04 giải Khuyến khích (02 môn Văn, 02 môn Địa lí).

- Thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh dành cho học sinh trung học: Cuộc thi có 107 dự án tham gia dự thi, thuộc 03 nhóm (14 lĩnh vực) do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định; kết quả có 06 giải nhất; 11 giải nhì; 16 giải ba; 22 giải tư. Có 02 dự án được chọn đi dự thi vòng thi Quốc gia và đạt 02 giải Tư.

²⁶ Hiện nay, toàn tỉnh có 529 cơ sở giáo dục đào tạo, trong đó: 178 trường mầm non, 340 cơ sở giáo dục phổ thông; 09 trung tâm GDNN-GDTX; 01 trung tâm GDTX tỉnh; 01 trường CĐSP Cao Bằng.

dịch có thể xảy ra, kể cả khi dịch bùng phát trở lại. Tăng cường truyền thông các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 trong tình hình mới và thực hiện nội dung truyền thông Thông điệp “**2K (Khẩu trang, Khử khuẩn) + Vắc xin + Thuốc + Điều trị + Công nghệ + Ý thức người dân và các biện pháp khác**”. Chỉ đạo tăng cường công tác phòng, chống sốt xuất huyết và các dịch bệnh truyền nhiễm khác trên địa bàn; tăng cường công tác phòng, chống bệnh Đậu mùa khỉ, chủ động kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh Đậu mùa khỉ với tinh thần và giải pháp là “Sớm một bước, cao hơn một mức”, không để xảy ra dịch chồng dịch, bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người dân. Tổ chức tiêm vắc xin an toàn, khoa học, hiệu quả, trong đó đặc biệt lưu ý các nhóm đối tượng có nguy cơ cao. Duy trì hiệu quả các chương trình mục tiêu Y tế - Dân số và Chương trình y tế khác. Tăng cường chỉ đạo nâng cao và đảm bảo chất lượng khám bệnh, chữa bệnh. Tiếp tục chỉ đạo triển khai các biện pháp phòng ngừa, khắc phục ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền nhiễm qua thực phẩm và độc tố tự nhiên²⁷.

Từ ngày **05/11/2021** đến 17h00 ngày **31/10/2022**, tỉnh Cao Bằng ghi nhận, phát hiện **98.088** trường hợp dương tính với SARS-COV-2; có **97.921** người đã khỏi bệnh, **61** ca tử vong, chuyển tỉnh khác **03** ca; có **88** bệnh nhân điều trị tại nhà, **15** bệnh nhân được điều trị tại các cơ sở thu dung điều trị của tỉnh. Tháng 10/2022, số ca mắc mới có dấu hiệu giảm so với tháng trước, số ca mắc trung bình trong tháng 10/2022 là **13** người/ ngày (tháng 9/2022 là **40,8** người/ ngày).

Về hoạt động tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19: Tính từ ngày **16/4/2021** đến **09 giờ 00 ngày 31/10/2022**: tỷ lệ dân số trên 18 tuổi được tiêm 1 mũi vắc xin chiếm 95,6%; tiêm 2 mũi chiếm 92,3%; tiêm mũi 3 chiếm 62,3%; tiêm mũi 4 chiếm 100%; trẻ em từ 12 đến 17 tuổi được tiêm 1 mũi vắc xin chiếm 100%, tiêm 2 mũi chiếm 98,3%, tiêm mũi 3 chiếm 49,4%; trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi được tiêm 1 mũi vắc xin 89,3%; tiêm 2 mũi chiếm 59,9%.

2.4. Lao động việc làm và an sinh xã hội

Chỉ đạo đẩy mạnh thông tin thị trường lao động và hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động trong nước và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ tạo việc làm thông qua dự án vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm. Theo dõi, nắm tình hình sử dụng lao động tại các doanh nghiệp; hướng dẫn, kiểm tra các doanh nghiệp thực hiện pháp luật về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tăng cường công tác tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp, đẩy mạnh tuyên truyền, phối hợp với doanh nghiệp thực hiện chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực có kỹ năng nghề. Chỉ đạo tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Kỹ năng Thanh niên thế giới năm 2022; tổ chức sự kiện "Ngày kỹ năng lao động Việt Nam" năm 2022. Cử đoàn dự thi tham gia Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc lần thứ VII, năm 2022 tổ chức tại Bà Rịa –

²⁷10 tháng năm 2022, thanh tra, kiểm tra vệ sinh ATTP được 2.270 cơ sở; trong đó số cơ sở đạt điều kiện VSATTP: 1.887 cơ sở (83,1%). Xảy ra 07 vụ ngộ độc thực phẩm, 48 người mắc, 02 người tử vong.

Vũng Tàu và có 02 thiết bị đạt giải khuyến khích. Tổ chức các Hội nghị truyền thông, tư vấn học nghề tại các huyện trên địa bàn tỉnh. Ước thực hiện năm 2022 tuyển mới đào tạo nghề được 5.500 người đạt 100% kế hoạch, góp phần nâng tỷ lệ đào tạo nghề là 35,8%.

Tổ chức các hội nghị tập huấn, tuyên truyền, phổ biến chính sách việc làm, thông tin thị trường lao động; tư vấn tuyển dụng lao động. Ước thực hiện năm 2022, số lao động được đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được 200 người, đạt 200% KH; số lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm được 3.500 người, đạt 292% kế hoạch; số lao động được giới thiệu việc làm, cung ứng lao động thông qua Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh được 600 người, đạt 100% kế hoạch.

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (MTQGGBV) và Chương trình mục tiêu quốc gia dân tộc và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 được tổ chức triển khai đồng bộ, kịp thời. Đã tham mưu HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND tỉnh ngày 25/5/2022 Ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025; trên cơ sở đó, UBND tỉnh ban hành và chỉ đạo thực hiện kế hoạch thực hiện Chương trình MTQGGBV trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025 và năm 2022; thực hiện phân bổ vốn Chương trình MTQGGBV (vốn ngân sách trung ương) giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình MTQGGBV. Tổ chức thẩm định, rà soát xác định huyện nghèo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 36/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ báo cáo trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để công nhận huyện nghèo. Tổ chức các hội nghị tập huấn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo; giải quyết cho 9.192 lượt hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo vay vốn ưu đãi từ ngân hàng chính sách xã hội; cấp 365.846 thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng kinh tế xã hội khó khăn, người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, đối tượng bảo trợ xã hội, người thuộc hộ cận nghèo; hỗ trợ tiền điện cho 45.899 hộ nghèo, hộ chính sách xã hội.

Các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội, giảm nghèo, chăm sóc và trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, cứu trợ đột xuất được tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời. Trong đó, đã tổ chức thăm hỏi và tặng quà đối tượng người có công và thân nhân người có công các dịp lễ, tết trong năm (hơn 17.200 suất quà); tổ chức nhiều hoạt động trang trọng, thiết thực kỷ niệm 75 năm Ngày Thương binh – Liệt sỹ. Cấp phát gạo cứu đói dịp tết Nguyên đán và cứu đói giáp hạt cho 27.606 hộ, 114.535 khẩu với 1.718,025 tấn gạo; chi trả trợ cấp xã hội kịp thời, đúng quy định. Hỗ trợ trẻ em mồ côi, trẻ em khuyết tật có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ ốm đau bệnh nặng với kinh phí trên 50 triệu đồng và nhiều quà tặng khác.

Chỉ đạo thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tiền

lương; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, tiến bộ. Tổng số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN ước thực hiện đến 31/12/2022 là 594.060 lượt người. Trong đó: Tham gia BHXH 54.010 người đạt 91,7% KH; tham gia BHTN là 27.250 người, đạt 100% KH; tham gia BHYT là 512.800 người, tỷ lệ bao phủ 95,4%, đạt 100% KH.

Công tác phát triển người tham gia BHXH, BHYT, BHTN, nhất là đối với người tham gia BHXH gặp nhiều khó khăn. Nguyên nhân chính là do: Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp quy mô nhỏ, hiệu quả kinh doanh thấp; 09 tháng đầu năm 2022, Tỉnh tiếp tục thực hiện chính sách tỉnh giãn biên chế theo quy định của Chính phủ và Đề án của Tỉnh ủy, do vậy đối tượng tham gia BHXH bắt buộc khôi hành chính, sự nghiệp tiếp tục giảm; Do thay đổi mức chuẩn nghèo khu vực nông thôn mới theo Nghị định số 07/NĐ-CP ngày 27/01/2021 nên khi thực hiện tăng mức đóng BHXH tự nguyện từ đầu năm 2022, số người tham gia trên địa bàn tỉnh giảm mạnh. Đồng thời, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 nên thu nhập của người lao động không ổn định dẫn đến không có điều kiện tham gia. Số người tham gia BHYT giảm chủ yếu tập trung ở nhóm đối tượng học sinh, sinh viên, BHYT hộ gia đình (mới hết giá trị sử dụng thẻ) sinh sống ở các địa bàn mới chuyển sang khu vực I theo Quyết định số 861/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; ngoài ra, thời gian gần đây, người dân tại địa phương đi lao động tại các doanh nghiệp ngoài tỉnh có xu hướng tăng, dẫn đến giảm tham gia BHYT trong tỉnh (số người giảm so với tháng 9/2022 hiện tại chủ yếu ở nhóm trẻ em sinh trước 30/9 chưa tăng hết trở lại vào các nhóm học sinh, dân tộc thiểu số, người nghèo).

2.5. Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo quản lý, phát triển hoạt động thông tin truyền thông và công nghệ thông tin với hệ thống mạng lưới bưu chính, viễn thông đảm bảo phát triển rộng khắp, các loại hình dịch vụ ngày càng được nâng cao chất lượng, thông tin liên lạc ổn định, đáp ứng được nhu cầu về liên lạc của xã hội, thông tin chỉ đạo điều hành của cấp ủy chính quyền các cấp, thông tin phục vụ an ninh quốc phòng; tập trung xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số trên địa bàn tỉnh và đẩy mạnh chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; quan tâm tập huấn, hướng dẫn triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng, nâng cao kiến thức trong lĩnh vực công nghệ thông tin; tiếp tục định hướng thông tin, tuyên truyền về những sự kiện quan trọng trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 100% số xã có điểm phục vụ Bưu chính (Điểm Bưu điện Văn hóa xã); Tình hình hoạt động viễn thông, internet trên địa bàn tỉnh duy trì đà tăng trưởng; các doanh nghiệp viễn thông đang đẩy mạnh phát triển các dịch vụ mới trên hạ tầng băng rộng cố định và di động băng rộng đặc biệt là dịch vụ 4G, 5G; đầu tư, phát triển hạ tầng mạng lưới đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong mạng viễn thông, internet và đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt phục vụ các cơ quan Đảng, nhà nước, quốc phòng và an ninh.

Việc triển khai ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số trên địa bàn tỉnh đã được quan tâm, từng bước triển khai có hiệu

quả. Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh hoạt động ổn định, 100% dịch vụ công đủ điều kiện đã được cung cấp ở mức độ 3, 4; Cổng thông tin điện tử tỉnh và các Trang thông tin điện tử thành phần cung cấp các thông tin kịp thời, đầy đủ hơn, góp phần nâng cao tính minh bạch thông tin, cải thiện chỉ số cải cách hành chính của tỉnh. Thông qua các nhiệm vụ, dự án đầu tư về hoạt động ứng dụng CNTT của tỉnh đã thúc đẩy hoàn thiện chính quyền điện tử, chính quyền số, là nền tảng để phát triển kinh tế số, xã hội số tại địa phương.

2.6. Công tác Dân tộc – tôn giáo

a) Công tác dân tộc

Chỉ đạo tổ chức tuyên truyền và triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc được chú trọng từ tỉnh đến cơ sở, trong đó: đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn và các địa phương nắm chắc tình hình trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; quan tâm tổ chức các hội nghị, hội thảo về các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh, qua đó thực hiện mục tiêu: “Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển” và đóng góp tích cực vào sự phát triển của địa phương, của tỉnh và của đất nước²⁸; Phê duyệt nhiệm vụ KH&CN “Thực trạng và giải pháp nâng cao công tác tuyên truyền nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Quan tâm đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, lực lượng cốt cán, người có uy tín ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thường xuyên đôn đốc việc triển khai thực hiện kịp thời, đúng và đầy đủ các chính sách dân tộc liên quan đến an sinh xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn theo quy định, đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh²⁹, qua đó việc thực hiện chính sách dân tộc đã gắn với cân đối, bố trí nguồn lực, bám sát thực trạng và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương³⁰; tổ

²⁸ Chỉ đạo tổ chức Hội thảo Thực trạng và giải pháp nâng cao công tác tuyên truyền nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Bảo Lạc; Phối hợp với Vụ pháp chế UBĐT chuẩn bị các nội dung liên quan đến hội nghị tập huấn kỹ năng phổ biến giáo dục pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh;...

²⁹ Hoàn thành việc tổ chức công bố, công khai kết luận thanh tra kết quả thực hiện chính sách người có uy tín tại huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành kết luận thanh tra của huyện; Thành lập Đoàn thanh tra, Phân công công chức nghiên cứu báo cáo kết quả thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2021 trên địa bàn huyện Quảng Hòa; chuẩn bị tổ chức công bố Quyết định thanh tra về kết quả thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số từ năm 2018 đến năm 2021 trên địa bàn huyện;...

³⁰ Triển khai kịp thời, đúng và đầy đủ các chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) như sau:

Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg: Tổ chức 07 hội nghị tập huấn cho 440 người có uy tín; cung cấp thông tin thời sự 06 cuộc cho 839 đại biểu người uy tín tham gia. Tổ chức thăm ốm, thăm viếng 64 trường hợp, kinh phí thực hiện 47,6 triệu đồng. Cấp báo cho người có uy tín được 309.944 tờ báo các loại, kinh phí thực hiện 963,458 triệu đồng;

Quyết định số 498/QĐ-TTg: Chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền truyền, vận động, phát hiện kịp thời các đối tượng có nguy cơ tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, nhằm hạn chế tình trạng tạo hôn, kết hôn cận huyết thống. Lũy kế từ đầu năm 2022 đến nay có 60 trường hợp tảo hôn.

Quyết định 1898/QĐ-TTg: Chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bình đẳng giới bằng nhiều hình thức phù hợp với ngôn ngữ, văn hóa, phong tục tập quán của từng địa phương nhằm chuyên biến nhận thức và hành vi của đồng bào DTTS; Tuyên truyền pháp luật về bình đẳng giới, hôn nhân và gia đình, phòng chống bạo lực gia đình trong các trường học. Chỉ đạo hoàn thành xây dựng 02 pano tuyên truyền về

chức Hội nghị trực tuyến 3 cấp (Tỉnh- Huyện- Xã) hướng dẫn thực hiện các Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 và năm 2022. Tổ chức thành công Hội nghị giao lưu, trao đổi kinh nghiệm công tác dân tộc 08 tỉnh, thành phố phía Bắc (Hà Nội, Quảng Ninh, Bắc Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc) năm 2022 do Cao Bằng làm Chủ trì.

b) Công tác tôn giáo

Quan tâm thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo; duy trì theo đường hướng chung của tổ chức tôn giáo, quy định của pháp luật về tôn giáo, chỉ đạo tổ chức kiểm tra công tác tôn giáo trên địa bàn tỉnh; tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng quản lý, sử dụng đất đai liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo; việc đăng ký đất đai; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo trên địa bàn tỉnh; chấp thuận mở lớp bồi dưỡng người chuyên hoạt động tôn giáo; Tham dự đại hội đồng Tổng hội lần thứ 36 của Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) và dự lễ và chúc mừng chức sắc, chức việc tôn giáo nhân dịp lễ quan trọng của Công giáo, Phật giáo; tổ chức trao quà Tết Nguyên đán Nhâm Dần cho 1.000 hộ nghèo thuộc 05 huyện, thành phố của tỉnh; thăm, chúc tết 06 lượt tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc. Chỉ đạo kiểm tra, nắm tình hình tổ chức lễ hội; tổ chức 01 hội nghị chuyên đề về công tác đối với đạo Tin lành cho 188 chức sắc, chức việc, nhân sự phụ trách các điểm nhóm đạo Tin lành, rà soát, thống kê, tổng hợp các điểm nhóm Tin lành trên địa bàn toàn tỉnh; thực hiện khảo sát nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của một bộ phận người dân tộc Mông. Các chức sắc và tín đồ tin tưởng và chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung, chính sách về tôn giáo nói riêng; đảm bảo duy trì khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

3. Công tác Nội vụ, Thanh tra, Tư pháp

3.1. Công tác Nội vụ

Thực hiện công tác tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức đúng quy định, kịp thời. Chỉ đạo tổ thành lập, tổ chức lại 03 tổ chức hành chính và 09 đơn vị sự nghiệp; phê duyệt xếp hạng 42 trường học; thẩm định các nội dung: tổ chức lại các Trường Phổ thông Dân tộc nội trú trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo chuyển giao về trực thuộc UBND huyện; dự thảo Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn; dự thảo Đề án giải thể Phòng Y tế 04 huyện, đổi tên và quy định

công tác Bình đẳng giới tại huyện Nguyên Bình và huyện Hà Quảng. Tổ chức Hội nghị tập huấn về công tác Bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số năm 2022 cho 145 người là công chức các xã và người có uy tín.

Quyết định 414/QĐ-TTg: Chỉ đạo xây dựng diễn đàn đối thoại trực tuyến công tác dân tộc tỉnh Cao Bằng.

Quyết định số 1719/QĐ-TTg: Chỉ đạo triển khai chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022; Chỉ đạo tổ chức 02 cuộc kiểm tra việc thực hiện Chương trình MTQG tại huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm; Tham gia 02 đoàn kiểm tra việc thực hiện Chương trình MTQG theo quyết định số 1719 của Thủ tướng Chính phủ (do Đ/c Trần Hồng Minh-Ủy viên BCH Trung ương Đảng và Đ/c Triệu Đình Lê – Phó Bí thư Thường trực tỉnh ủy – Chủ tịch HĐND tỉnh làm trưởng đoàn).

Quyết định 771/QĐ-TTg: Tổ chức 04 lớp bồi dưỡng cho 221 học viên tham gia.

chức năng nhiệm vụ Bệnh viện Y học cổ truyền và Trung tâm Kiểm nghiệm DPMPTP; kiện toàn và thành lập 15 tổ chức phối hợp liên ngành; tạm dừng hoạt động Trung tâm Chỉ huy PC dịch COVID-19 tỉnh.

Chỉ đạo tiếp tục nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, hiệu lực hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt cán bộ, công chức, viên chức chấp hành kỷ luật, kỷ cương, văn hóa công vụ, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tổ chức trên 30 lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Ban hành Kế hoạch thực hiện nội dung "Xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, nhất là cấp chiến lược có đủ phẩm chất, năng lực, và uy tín ngang tầm nhiệm vụ, giai đoạn 2021-2025" theo Chương trình số 08-CT/TU ngày 16/7/2021 của Tỉnh ủy Cao Bằng; Kế hoạch hoạt động của Tổ công tác của Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra việc thực hiện công vụ năm 2022; thành lập Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022. Phát động phong trào thi đua đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2021 – 2025 và tổ chức thành công Hội nghị cải cách hành chính năm 2022. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng; tổ chức thành công Hội nghị tổng kết công tác thi đua - khen thưởng năm 2021, triển khai nhiệm vụ năm 2022; kiện toàn các khối, cụm thi đua thuộc tỉnh năm 2022; chỉ đạo, hướng dẫn sơ kết 03 năm thực hiện Phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019 – 2025.

3.2. Công tác Thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng

Chỉ đạo công tác thanh tra đảm bảo tiến độ, thời gian theo quy định. Toàn ngành thanh tra đã triển khai 146 cuộc thanh tra, kiểm tra hành chính và chuyên ngành (trong đó 135 cuộc theo kế hoạch, 11 cuộc đột xuất). Qua thanh tra, kiểm tra phát hiện vi phạm về kinh tế 18.012,75 triệu đồng; kiến nghị thu hồi vào ngân sách nhà nước 6.554,8 triệu đồng (đã thu hồi 5.606,73 triệu đồng, đạt 86%); 230m² đất; xử lý khác về kinh tế 11.457,95 triệu đồng. Ban hành 23 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (đối với 10 tổ chức và 13 cá nhân) với tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính 1.010,0 triệu đồng thu nộp vào Ngân sách nhà nước.

Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân trên địa bàn tỉnh tiếp tục được các cấp, các ngành, địa phương trong tỉnh quan tâm, đề cao trách nhiệm, phối hợp đồng bộ, tập trung giải quyết cơ bản các vụ việc khiếu nại, tố cáo của công dân; có nhiều giải pháp và nỗ lực để giải quyết dứt điểm các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài, góp phần ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tập thể, công dân. Các cơ quan, đơn vị chú trọng quan tâm đẩy mạnh công tác PCTN; thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị; đẩy mạnh việc phòng, chống dịch bệnh COVID-19 gắn với phát triển kinh tế - xã hội theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh.

3.3. Tư pháp

Thực hiện tốt công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa

văn bản quy phạm pháp luật, cập nhật kịp thời văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh ban hành trên Cơ sở dữ liệu quốc gia để phục vụ cho việc tìm hiểu và tra cứu văn bản. Chỉ đạo tổ chức cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu Luật Tiếp cận thông tin năm 2016” trên địa bàn tỉnh (19.352 lượt người tham gia), kết thúc cuộc thi, Ban Tổ chức đã trao 11 giải tập thể và 36 giải cá nhân cho các tập thể, cá nhân có thành tích cao trong tham gia Cuộc thi; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức 03 Hội nghị trực tuyến triển khai văn bản pháp luật với hơn 600 lượt người nghe tham dự; tổ chức 09 lớp tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và nghiệp vụ công tác tư pháp năm 2022; 09 hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hôn nhân và gia đình; phòng, chống bạo lực gia đình và một số vấn đề chung về công tác hòa giải ở cơ sở với hơn 500 lượt người nghe, tham dự; 01 lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác hòa giải ở cơ sở với gần 50 hòa giải viên tham dự; ban hành kế hoạch và chỉ đạo chuẩn bị các điều kiện tổ chức Hội thi Hòa giải viên giỏi tỉnh Cao Bằng năm 2022. Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về hành chính tư pháp, đăng ký biện pháp bảo đảm trên địa bàn. Các thủ tục về hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, lý lịch tư pháp được thực hiện đúng quy định. Chỉ đạo ký kết các hợp đồng dịch vụ đấu giá với các tổ chức có tài sản trên địa bàn tỉnh và tổ chức thực hiện các hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đã ký kết theo đúng quy định của pháp luật.

4. Công tác đối ngoại

Chỉ đạo tổ chức Hội nghị trực tuyến Gặp gỡ đầu xuân giữa các Bí thư Tỉnh ủy và Hội nghị lần thứ 13 Ủy ban công tác liên hợp giữa các tỉnh: Cao Bằng, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Hà Giang (Việt Nam) và Khu tự trị dân tộc Choang - Quảng Tây, Trung Quốc; Hội nghị Gặp gỡ trực tuyến giữa Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng (Việt Nam) và Bí thư Khu ủy Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc); “Hội nghị toàn quốc công tác đối ngoại nhân dân năm 2022”; khóa bồi dưỡng “Kiến thức và Kỹ năng đối ngoại”; tổ chức trên 10 hội nghị trực tuyến với các nước như Trung Quốc, Nhật Bản. xây dựng Đề án “Mở rộng đối ngoại, chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030”. Đón tiếp và làm việc với các đoàn Đại sứ quán các nước, tổ chức quốc tế, tổ chức Phi chính phủ nước ngoài (PCPNN)³¹. Thẩm định việc ký kết các Thỏa thuận, Biên bản ghi nhớ giữa các sở, ban, ngành với các đối tác nước ngoài và việc tiếp nhận viện trợ dự án, phi dự án đảm bảo đúng theo quy định.

Chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ, thủ tục về xây dựng các công trình trên biên giới: 556/1-556/2, 560-561, 836(2) bảo đảm giữ vững chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia; phối hợp với nhóm chuyên gia Ủy ban biên giới trên đất liền Việt Nam Trung Quốc khảo sát song phương các khu vực phía Trung Quốc có chủ trương xây dựng hàng rào ngăn chặn trên biên giới mà hai Bên có nhận thức khác nhau về hướng đi của đường biên giới. Triển khai, thực hiện có hiệu quả và đồng

³¹ Đoàn Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam, Đại sứ quán Pakistan tại Việt Nam, Đoàn Văn phòng Hợp tác Quốc phòng - Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam, Công ty TNHH Hi-Tech Farm (Hàn Quốc), Cơ quan hợp tác quốc tế (KOIKA), Quỹ quốc tế về phát triển nông nghiệp (IFAD), Đoàn thẩm định Công viên địa chất Non nước Cao Bằng, tổ chức ChildFund.

bộ Chỉ thị số 1326/CT-TTg ngày 27/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thực hiện 03 văn kiện pháp lý về biên giới và các biên bản phiên họp Ủy ban liên hợp biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc. Thành lập Ban chỉ đạo công tác biên giới của tỉnh, ban hành Quy chế làm việc của Ban chỉ đạo, Kế hoạch công tác năm 2022 của Ban chỉ đạo công tác biên giới của tỉnh.

5. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh biên giới, an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh thông tin truyền thông, an ninh trong vùng dân tộc, tôn giáo... không để xảy ra các vụ việc đột xuất, bất ngờ, hình thành điểm nóng về an ninh, trong đó đã: chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác tuyển quân năm 2023; tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng – an ninh theo quy định; Kiện toàn Ban Chỉ đạo Khu vực phòng thủ, Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự; phòng, chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn tỉnh; chỉ đạo tổ chức tốt diễn tập khu vực phòng thủ huyện Bảo Lâm và huyện Nguyên Bình; Kiện toàn hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh, thực hiện tốt công tác tuyển quân năm 2022, chuẩn bị các nội dung cho công tác tuyển quân năm 2023; triển khai tổ chức huấn luyện giai đoạn 2 cho các đối tượng theo kế hoạch; chỉ đạo, theo dõi các đơn vị rà soát, phúc tra, bổ nhiệm, miễn nhiệm quân nhân dự bị, kiện toàn tổ chức biên chế các đơn vị dự bị động viên chuẩn bị cho huấn luyện, diễn tập năm 2022; theo dõi huấn luyện DBĐV. Tổ chức tốt kiểm tra bắn đạn thật cấp tiểu đội bộ binh, Hội thao Trung đội Dân quân cơ động và Hội thi Dân quân thường trực cấp tỉnh năm 2022, bảo đảm an toàn tuyệt đối. Tham gia Hội thao TDTT quốc phòng năm 2022 tại Quân khu đạt giải 3 toàn đoàn.

Chỉ đạo tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động xuất nhập cảnh trái phép qua biên giới, chưa phát hiện nghi vấn liên quan An ninh Quốc gia³²; tăng cường biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi

³² *Tình hình xuất nhập cảnh trái phép*: tiếp nhận 12.397 công dân Việt Nam (VN) từ Trung Quốc (TQ) trở về (giảm 1.426 trường hợp = 10,3% so với năm 2021); ngăn chặn 42 công dân Việt Nam có ý định xuất cảnh trái phép sang TQ. Phát hiện, xử lý 69 vụ, 243 người nước ngoài nhập cảnh trái phép (giảm 81 người = 25% so với năm 2021); xử lý hành chính 7.048 đối tượng, phạt tiền 23,44 tỷ đồng.

Tình hình An ninh nội địa: chỉ đạo quyết liệt triển khai thực hiện Cao điểm 100 ngày tuyên truyền, đấu tranh với tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh (TCBHP DVM) với trên 12.000 lượt CBCS Công an và trên 13.500 lượt cán bộ, đảng viên các cấp trực tiếp tham gia tuyên truyền, đấu tranh. Tổ chức phát thanh 1.549 lượt với trên 127.370 lượt người nghe tại các chợ phiên, địa bàn các điểm nhóm; tổ chức 29 lượt chiếu phim tài liệu tuyên truyền, đấu tranh với TCBHP DVM cho trên 8.000 lượt người xem; biên tập, đăng tải, chia sẻ trên 500 lượt tin, bài phục vụ công tác tuyên truyền với hơn 150.000 lượt tương tác; tổ chức 42 Hội nghị đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với quần chúng nhân dân tại các xóm bị ảnh hưởng bởi TCBHP DVM. Tiếp xúc, vận động 1.673 lượt/341 hộ; cấp phát ảnh Bác Hồ và Cờ Tổ quốc cho 478 hộ/478 hộ để treo tại gia đình; tiếp xúc, tranh thủ 115 lượt/52 người có uy tín; phát hiện, điều tra xử lý 24 đối tượng theo TCBHP DVM vi phạm pháp luật; tấn công chính trị 288 lượt/40 đối tượng cầm đầu, cốt cán; vô hiệu hóa hoạt động của 17/40 đối tượng, trong đó, có 12 đối tượng cầm đầu, cốt cán ký cam kết từ bỏ TCBHP DVM, 05 đối tượng đạt tiêu chí “05 không”, hiện còn 21 đối tượng trọng điểm (giảm 19 đối tượng so với kỳ trước; có 02 đối tượng chết); xóa bỏ 15/15 “Nhà đôn”, dỡ bỏ 165/165 “tấm phong trắng” biểu tượng của TCBHP DVM; vận động thành công 306 hộ/1.997 nhân khẩu từ bỏ TCBHP DVM (giảm 61% số hộ, 72% số nhân khẩu bị ảnh hưởng so với năm 2021); xóa bỏ sự ảnh hưởng của TCBHP DVM ở 21 xóm/khu dân cư (giảm 51,2%), tại địa bàn 14 xã/thị trấn (giảm 68,4%), 04/06 huyện (giảm 66,7%), thu hẹp phạm vi ảnh hưởng của TCBHP DVM, hiện chỉ còn tập trung tại địa bàn của 02 huyện Hà Quảng và Bảo Lâm, với 216 hộ, 846 nhân khẩu, trong đó có 21 đối tượng cầm đầu, cốt cán. Hiện tiếp tục chỉ đạo triển khai đợt Cao điểm 100 ngày đấu tranh, xóa bỏ TCBHP DVM và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội trong

phạm pháp luật và tệ nạn xã hội³³.

Chỉ đạo tiếp tục Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh, đẩy mạnh công tác tuyên truyền Đề án 06/CP; hướng dẫn thực hiện tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa CSDLQG về dân cư với Cổng dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính các cấp phục vụ việc xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện thủ tục hành chính theo nguyên tắc không yêu cầu khai báo lại các thông tin đã có trong CSDLQG về dân cư; tiếp tục triển khai cung cấp tài khoản định danh điện tử và tuyên truyền nhân dân tham gia đăng ký định danh điện tử. Đến nay đã thu nhận được 33.630 hồ sơ CCCD, cấp 79.018 tài khoản định danh điện tử. Liên thông dữ liệu khám chữa bệnh BHYT với 100% cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh; thực hiện giám định điện tử

vùng đồng bào dân tộc Mông (từ 25/10/2022 đến 02/02/2023) để tiếp tục công tác đấu tranh, xóa bỏ TCBHP DVM trên địa bàn.

³³ **Công tác phòng, chống tội phạm về trật tự xã hội:** xảy ra 287 vụ phạm pháp hình sự (giảm 27 vụ = 8,6% so với cùng kỳ năm 2021; trong đó có 51 vụ phạm tội liên quan đến đánh bạc, mại dâm do lực lượng Công an chủ động phát hiện, đấu tranh). Điều tra khám phá 270/287 vụ, làm rõ 436 đối tượng, đạt tỷ lệ 94%. Xử lý hành chính 622 trường hợp, phạt tiền: 1,07 tỷ đồng.

Công tác phòng, chống tội phạm về kinh tế, tham nhũng: phát hiện, xử lý 245 vụ, 250 đối tượng (giảm 284 vụ = 53,7% so với năm 2021), trong đó phát hiện, khởi tố điều tra 07 vụ phạm tội về tham nhũng, chức vụ, điều tra, làm rõ 21 đối tượng phạm tội, thu hồi tài sản tham nhũng trên 9,5 tỷ đồng đạt 94,8%. Phát hiện 28 vụ phạm tội về trật tự quản lý kinh tế với các hình thức trốn thuế, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ có thủ đoạn tinh vi, vi phạm có tổ chức, các doanh nghiệp lợi dụng việc quản lý, sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng để trốn thuế, bán hàng không lập hóa đơn để giấu doanh thu, tăng không giá vốn hàng hóa để giảm thu nhập chịu thuế, kê khống chi phí phải trả cho người lao động; mua bán hóa đơn trái phép để hợp thức hóa chứng từ... gây thiệt hại trên 21 tỷ đồng. Phát hiện 210 vụ, 182 đối tượng vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh tế (có 65 vụ không phát hiện đối tượng, chiếm tỷ lệ 30,9%; nguyên nhân là các đối tượng vận chuyển hàng hóa trái phép tại khu vực biên giới sẵn sàng bỏ lại hàng để chạy trốn khi bị lực lượng chức năng phát hiện; địa hình khu vực biên giới phức tạp, trải rộng, lực lượng chức năng mỏng, gặp khó khăn trong việc truy bắt các đối tượng). Xử lý hành chính 150 trường hợp, phạt tiền 1,34 tỷ đồng.

Công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường: phát hiện, xử lý 208 vụ, 272 đối tượng (tăng 70 vụ = 50,7% so với năm 2021); xử lý hành chính 136 trường hợp, phạt tiền 2,22 tỷ đồng.

Công tác phòng, chống tội phạm về ma túy: phát hiện, bắt giữ 356 vụ, 512 đối tượng phạm tội (giảm 03 vụ = 0,8% so với năm 2021). Xử lý hành chính, phạt tiền 99 đối tượng, số tiền 178,8 triệu đồng; cảnh cáo 64 đối tượng; lập hồ sơ quản lý 1.980 người nghiện ma túy; lập hồ sơ đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với 121 đối tượng.

Công tác quản lý hành chính về trật tự an toàn xã hội: cấp 427 giấy phép vận chuyển VLNCN, 148 giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ; kiểm tra phát hiện, xử phạt hành chính 106 cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT, phạt tiền 227,65 triệu đồng. Kiểm tra, phát hiện 275 trường hợp vi phạm trong lĩnh vực quản lý cư trú, phạt tiền 122 triệu đồng.

Vận động thu hồi 181 khẩu súng, 706 viên đạn, 07 quả lựu đạn, 05 linh kiện lắp ráp vũ khí, 130,8kg thuốc nổ, 20 chiếc kíp nổ, 52m dây cháy chậm. Phát hiện 09 vụ, 11 đối tượng vi phạm liên quan đến VK, VLN, CCHT, thu giữ 04 khẩu súng các loại, 41 viên đạn, xử phạt VPHC 06 đối tượng = 30,75 triệu đồng.

Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông: xảy ra 62 vụ tai nạn giao thông, làm chết 34 người, bị thương 72 người, ước tính thiệt hại tài sản khoảng 1,55 tỷ đồng (tăng 10 vụ = 19,2%, 06 người chết = 21,4%, 15 người bị thương = 26,3% so với năm 2021). Phát hiện và xử lý 10.490 trường hợp vi phạm, phạt tiền 14,09 tỷ đồng (giảm 881 trường hợp = 7,7%; tăng 1,16 tỷ đồng tiền phạt = 9% so với năm 2021); tạm giữ 3.083 phương tiện, tước GPLX 1.202 trường hợp.

Công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ: Tổ chức cứu nạn cứu hộ 03 vụ. Tổ chức 37 lớp huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH với thời lượng 480 giờ, tổng số 2.373 lượt người tham gia; cấp 175 Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ PCCC; thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối với 28 công trình; kiểm tra nghiệm thu về PCCC đối với 17 công trình; phê duyệt 31 phương án chữa cháy của cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ, 01 phương án cứu nạn, cứu hộ; thực tập được 40 phương án chữa cháy; kiểm tra 596 cơ sở, yêu cầu khắc phục sửa chữa 1.081 thiếu sót các loại; phát hiện, xử lý 63 vụ vi phạm quy định về PCCC, phạt tiền 25,75 triệu đồng. Xảy ra 07 vụ cháy, ước tính thiệt hại khoảng 3,05 tỷ đồng (giảm 02 vụ = 22% so với năm 2021); không có thiệt hại về người.

trên Hệ thống thông tin giám định BHYT đối với 100% cơ sở Khám chữa bệnh, triển khai làm sạch dữ liệu tiêm chủng. Liên thông Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử với Cơ sở dữ liệu ngành BHXH để cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi.

Tiếp tục thực hiện dự án Sản xuất, cấp và quản lý CCCD bảo đảm quy định; thường xuyên duy trì làm sạch dữ liệu dân cư, bảo đảm dữ liệu dân cư trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư luôn “đúng, đủ, sạch, sống”, hoàn thành việc xóa công dân trùng thông tin, cập nhật trạng thái đối với các trường hợp thôi quốc tịch... phục vụ hiệu quả công tác triển khai thực hiện Đề án 06/CP. Tính đến nay, đã cấp phát 405.536 thẻ căn cước cho công dân, đạt tỷ lệ 92,8%, được Bộ Công an xếp hạng thứ 07/63 tỉnh, thành.

*** Đánh giá chung:**

Trong năm 2022, UBND tỉnh đã chỉ đạo sát sao các ngành, địa phương thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp gắn với hành động quyết liệt, tiếp tục tận dụng, khai thác tối đa các yếu tố thuận lợi, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức, tập trung tháo gỡ các vướng mắc, phát huy năng lực sản xuất của tất cả các ngành, lĩnh vực, các thành phần kinh tế và huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc triển khai các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2022; thực hiện có hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; qua đó, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đạt được nhiều kết quả tích cực. Kinh tế phục hồi khá, nhiều ngành sản xuất, kinh doanh quan trọng đạt mức tăng trưởng tốt so năm trước, ước thực hiện năm 2022 có 13/17 chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt và vượt so với Nghị quyết HĐND tỉnh giao³⁴. Một số chỉ tiêu kinh tế quan trọng tăng cao như: Tổng thu ngân sách và tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn; ngành du lịch phục hồi ấn tượng; các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng khá so với cùng kỳ năm trước; sản xuất nông nghiệp đảm bảo tiến độ, diện tích, năng suất, sản lượng các cây trồng có giá trị kinh tế cao cơ bản vượt so với kế hoạch và tăng khá so với năm 2021. Hoạt động của doanh nghiệp có nhiều dấu hiệu tích cực, số doanh nghiệp thành lập mới và hoạt động trở lại đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Lĩnh vực văn hóa xã hội tiếp tục quan tâm và triển khai có hiệu quả; nhiều hoạt động văn hóa - thể thao - du lịch từ cấp tỉnh đến cơ sở được triển khai sôi động, thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân quan tâm, tham gia, tạo động lực tinh thần để người dân và doanh nghiệp tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội; công tác phòng chống dịch COVID-19 tiếp tục được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả, tổ chức tiêm vắc xin COVID-19 an toàn, hiệu quả; thực hiện kịp thời các hoạt động chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đối tượng chính sách, người có công. Công tác trực sẵn sàng chiến đấu được các cấp thực hiện nghiêm túc, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được giữ vững ổn định.

Bên cạnh kết quả đạt được, kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều hạn chế, tồn tại, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp; công tác xuất khẩu gặp nhiều khó khăn; công tác đấu giá đất và thu từ sử dụng đất không đạt kế hoạch; số vụ vi

³⁴ Chi tiết tại Phụ lục Báo cáo tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH năm 2022.

phạm Luật lâm nghiệp tăng; công tác trồng rừng, di dời chuồng trại chưa đạt tiến độ; dịch tả lợn Châu Phi mặc dù vẫn đang được kiểm soát nhưng tiếp tục diễn biến phức tạp, nguy cơ lây lan cao; tốc độ phục hồi ngành vận tải chưa cao; tình trạng thiếu hụt giáo viên, nhân viên y tế vẫn nghiêm trọng, đặc biệt là tại địa bàn khó khăn; đội ngũ cán bộ chuyên trách về CNTT và truyền thông còn thiếu và yếu; các hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch còn thiếu đồng bộ, chuyên nghiệp, hiệu quả chưa cao; kết quả công tác giải quyết việc làm cho người lao động còn hạn chế; đầu tư trang thiết bị trong lĩnh vực giáo dục, y tế chưa kịp thời và còn thiếu; các thủ tục hành chính liên quan đến đất đai còn gây bức xúc trong nhân dân; hiệu lực quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn chưa cao; Tình hình an ninh trật tự tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp;...

*** Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại:**

- *Nguyên nhân khách quan:*

Dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng sau Tết nguyên đán Nhâm Dần, các nhân tố chính trị, kinh tế trên thế giới tác động khiến thị trường hàng hóa trong nước có nhiều biến động mạnh, giá cả nhiều loại hàng hóa tăng cao, đặc biệt là giá xăng dầu, khí đốt tự nhiên và khí hóa lỏng, giá phân bón tăng mạnh, tạo áp lực lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh; bên cạnh đó, Trung Quốc tiếp tục kiên trì chính sách Zero COVID nên hoạt động xuất khẩu qua địa bàn giảm mạnh...

Do điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng giao thông còn nhiều yếu kém, đặc biệt là tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa nên hạn chế trong việc thu hút nhà đầu tư, thu hút nhân lực.

Việc áp dụng các chính sách miễn giảm, gia hạn nộp thuế, phí và lệ phí để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đã tác động đến nguồn thu ngân sách nhà nước.

Việc triển khai, thực hiện các Chương trình Mục tiêu Quốc gia còn gặp khó khăn do các Bộ, ngành Trung ương chậm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện, nguồn vốn triển khai chương trình được giao muộn³⁵ dẫn đến các địa phương còn lúng túng, gặp vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Kinh phí dành cho xúc tiến du lịch còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu xây dựng và triển khai những kế hoạch xúc tiến du lịch chủ động nhằm ứng phó, hạn chế tác động tiêu cực, bất thường đến hoạt động du lịch.

- *Nguyên nhân chủ quan:*

Một số cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, chưa chủ động, tích cực trong giải quyết công việc theo thẩm quyền, còn tâm lý trông chờ, ỷ lại. Việc nghiên cứu, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách

³⁵ Ngày 28/5/2022 Thủ tướng Chính phủ mới có Quyết định số 652/QĐ-TTg về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và Quyết định số 653/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội thuộc thẩm quyền của tỉnh ở một số lĩnh vực còn chậm, chưa đồng bộ. Năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế, ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính có lúc, có nơi chưa thực sự nghiêm. Vai trò của người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa được phát huy; công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện ở một số cơ quan, địa phương, đơn vị chủ đầu tư chưa thực sự quyết liệt, chủ động, sâu sát.

Công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong xử lý công việc có lúc, có nơi còn rời rạc, thiếu gắn kết, chưa kịp thời, chất lượng chưa cao; có trường hợp chậm, không trả lời hoặc đùn đẩy, né tránh trách nhiệm.

Công tác xây dựng, lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa tốt, hiệu quả không cao.

Công tác quản lý tài sản công ở một số đơn vị chưa tốt, có sai lệch giữa thực địa với sổ quản lý tài sản nên nhiều khó khăn cho công tác đấu giá đất và tài sản trên đất (đặc biệt đối với các địa chỉ đấu giá theo Nghị định 167/NĐ-CP).

Chất lượng nguồn nhân lực tại một số lĩnh vực chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra. Trong đó: nhân lực thực hiện hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch còn có nhiều hạn chế, lực lượng trực tiếp triển khai hoạt động xúc tiến du lịch mỏng, hoạt động kiêm nhiệm nên việc triển khai còn bị động, thiếu tính chuyên nghiệp và hiệu quả chưa cao.

Một số người nộp thuế chưa chấp hành tốt các quy định của pháp luật, chây ì, không nộp thuế đúng hạn, nợ tiền thuế; người nộp thuế còn nợ thuế nhưng đã ngừng hoạt động, tự giải thể, bỏ địa chỉ kinh doanh, không làm thủ tục thông báo đến cơ quan thuế; các doanh nghiệp khai thác khoáng sản không hoạt động, chưa khai thác, hết hạn giấy phép khai thác, nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản kéo dài qua nhiều năm...

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2023

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành mục tiêu của các kế hoạch 5 năm 2021-2025. Bên cạnh những thuận lợi, nền kinh tế Việt Nam được dự báo là tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của tình hình chính trị thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, nhất là xung đột quân sự Nga – Ukraine; tình trạng thiếu hụt nguồn cung, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu; lạm phát tiếp tục tăng và trở thành vấn đề lớn của nhiều quốc gia; dịch bệnh COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp do xuất hiện nhiều biến chủng mới.

Đề đối phó với các bất ổn của thế giới, Chính phủ đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp như tiêm vắc xin phòng COVID-19 liều bổ sung và liều tăng cường; triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua nghị quyết về giảm các loại thuế, phí. Nhờ đó, kinh tế Việt Nam năm 2023 được các chuyên gia dự kiến sẽ tiếp tục đà phục hồi và tăng trưởng khá của năm 2022.

Tình hình kinh tế đất nước tiếp tục phục hồi và tăng trưởng trong năm 2023 sẽ tác động tích cực đến nền kinh tế của tỉnh Cao Bằng. Bên cạnh đó, các dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025, đặc biệt là các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đã hoàn thành các thủ tục đầu tư và bắt đầu triển khai thực hiện trong năm 2023; có nhiều bài học kinh nghiệm được rút ra từ quá trình chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế trong bối cảnh khó khăn, thách thức cả trong và ngoài nước; tinh thần đoàn kết, thống nhất của cả hệ thống chính trị, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân được phát huy tốt trong thời gian qua....đây là những thuận lợi rất cơ bản trong năm 2023. Việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh dự báo tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức do dịch COVID-19 không ngừng xuất hiện các biến thể mới; nhiều ngành sản xuất công nghiệp của tỉnh có tốc độ phục hồi chậm. Bên cạnh đó, hạ tầng giao thông của tỉnh còn nhiều khó khăn nên ảnh hưởng đến hiệu quả thu hút đầu tư, nhất là nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách; cơ hội tìm kiếm việc làm, sinh kế của người dân gặp nhiều khó khăn; Chất lượng, hiệu quả công tác của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã được nâng lên rõ rệt trong thời gian qua nhưng chưa tương xứng với tốc độ và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao trong năm 2023, tỉnh Cao Bằng cần tiếp tục giải quyết các vấn đề về kết nối giao thông với vùng, với các trung tâm kinh tế của đất nước; đầu tư tập trung, trọng điểm, giải ngân tốt nguồn lực đầu tư công; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đơn giản các thủ tục hành chính, đẩy mạnh thu hút các dự án đầu tư ngoài ngân sách; hỗ trợ người dân, doanh nghiệp kết nối cung cầu lao động, sản phẩm hàng hóa.....

Trên cơ sở đánh giá, phân tích những kết quả đã đạt được, những khó khăn, hạn chế cùng nguyên nhân của tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, UBND tỉnh Cao Bằng xác định mục tiêu, các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 như sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục kiểm soát tốt dịch bệnh COVID-19, chuẩn bị đầy đủ vắc xin để triển khai tiêm bổ sung theo diễn biến thực tế của dịch bệnh. Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp và người dân phục hồi, phát triển sản xuất kinh doanh. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Chú trọng phát triển văn hóa, bảo đảm an sinh xã hội và không ngừng cải thiện đời sống Nhân dân. Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục

hành chính, tinh gọn bộ máy quản lý nhà nước; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật. Tăng cường hoạt động thông tin truyền thông, tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân tỉnh Cao Bằng. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu chủ yếu

2.1. Chỉ tiêu về kinh tế

(1) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 8%, trong đó: Nông, lâm, ngư nghiệp tăng 3,1%; Công nghiệp, xây dựng tăng 11,71%; Dịch vụ tăng 8,35%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 8,4%.

(2) GRDP bình quân đầu người 43,97 triệu đồng.

(3) Giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên 1 đơn vị diện tích (ha) đạt trên 46 triệu đồng.

(4) Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn (bao gồm cả giá trị hàng hóa giám sát) đạt 638 triệu USD. Trong đó kim ngạch nhập khẩu đăng ký tại địa bàn 396 triệu USD, kim ngạch xuất khẩu đăng ký tại địa bàn 132 triệu USD; giá trị hàng hóa giám sát 110 triệu USD.

(5) Thu ngân sách trên địa bàn đạt 2.838 tỷ đồng. Trong đó: thu nội địa 1.638 tỷ đồng, thu xuất nhập khẩu 1.200 tỷ đồng.

(6) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng trên 11%.

(7) Khởi công dự án đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (Cao Bằng); Tỷ lệ chiều dài các tuyến đường huyện, đường xã được nhựa hóa/ bê tông hóa mặt đường 82,5%; Tỷ lệ xã có đường đến trung tâm xã được nhựa hóa/ bê tông hóa 99,38%.

2.2. Chỉ tiêu văn hóa - xã hội:

(8) Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Xây dựng trường chuẩn quốc gia tăng thêm 6 trường mầm non và phổ thông.

(9) Duy trì 15 bác sỹ/vạn dân; tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã đạt 82%; 35 giường bệnh/vạn dân; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 97%.

(10) Tỷ lệ gia đình văn hóa duy trì 85%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa duy trì 95%; tỷ lệ khu dân cư văn hóa 58%;

(11) Giảm tỷ lệ hộ nghèo trên 4%.

(12) Tỷ lệ lao động qua đào tạo 50%, trong đó tỷ lệ qua đào tạo nghề lên 37,4%; tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 3,25%.

(13) Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới tăng thêm đạt 03 xã trở lên.

2.3. Các chỉ tiêu về môi trường:

(14) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 57,83%.

(15) Phần đầu đạt 86,5% dân cư thành thị được dùng nước sạch, 93% dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

(16) Số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn nhà tăng thêm 1.909 hộ.

(17) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 87%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 87,5%.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 2023

1. Lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện rà soát, đánh giá thực trạng, hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, lâm nghiệp, nghiên cứu phương án điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường và phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, động viên nhân dân mạnh dạn ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất; tích cực tham gia phát triển, bảo vệ rừng và xây dựng nông thôn mới, cụ thể:

- Trồng trọt: Rà soát diện tích đất nông nghiệp chưa sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả để chuyển đổi sang cây trồng khác cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao hơn; Tập trung phát triển diện tích của một số loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như: Thuốc lá tại các huyện: Hoà An, Hà Quảng, Quảng Hoà; Thạch đen tại huyện Thạch An; Lê tại các huyện: Thạch An, Nguyên Bình, Hoà An; cây Dẻ Trùng Khánh... Làm tốt công tác dự báo, thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phát hiện sâu bệnh hại và có biện pháp tổ chức phòng trừ kịp thời, không để lây lan thành dịch. Tăng cường công tác quản lý giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tại các huyện, thành phố. Đẩy mạnh triển khai các dự án thuộc Đề án nông nghiệp thông minh và các dự án phát triển sản xuất nông nghiệp trọng điểm của tỉnh.

- Chăn nuôi: Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu lại chăn nuôi, cơ cấu lại giống vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất và giá trị, tiếp tục triển khai các giải pháp chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung gia trại, trang trại. Phát triển các đàn vật nuôi chủ yếu của tỉnh tăng về số lượng và sản lượng thịt hơi xuất chuồng so với năm 2022; đẩy mạnh phát triển đàn lợn tại các huyện: Bảo Lâm, Bảo Lạc, Trùng Khánh, Hoà An, Nguyên Bình. Tập trung thu hút và hỗ trợ để các dự án chăn nuôi tập trung sớm đi vào hoạt động và mở rộng quy mô sản xuất như dự án trang trại chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa TH-TrueMilk. Thực hiện tốt công tác phòng trừ dịch bệnh gia súc, gia cầm, phòng, chống rét và chủ động thức ăn cho đàn gia súc, gia cầm trong mùa đông.

- Lâm nghiệp: Tập trung triển khai sớm các dự án trồng rừng năm 2023. Thực hiện trồng rừng gỗ lớn, gỗ nhỏ, trúc sào, quế, hồi; trồng cây dược liệu tại các huyện: Nguyên Bình, Bảo Lạc, Thạch An... Ứng dụng khoa học công nghệ về trang thiết bị khai thác, chế biến, công nghệ tiên tiến trong sản xuất nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị. Làm tốt công tác bảo vệ phòng chống cháy rừng, ngăn chặn có hiệu quả việc khai thác, vận chuyển, buôn bán lâm sản trái phép.

- Xây dựng nông thôn mới, sản phẩm OCOP: triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong đó tập trung hỗ trợ 03 xã về đích năm 2023 là: xã Quảng Hưng, xã Phúc Sen của huyện Quảng Hoà; xã Trường Hà của Huyện Hà Quảng. Thúc đẩy, hỗ trợ một số cơ sở sản xuất hoàn thiện chất lượng sản phẩm để đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao và 4 sao cấp tỉnh như: Nho hạ đen của Công ty cổ phần phát triển công nghệ xanh CAB; Lạp sườn, thịt sông khói của HTX Tâm Hoà; điểm du lịch homestay Bách Thảo Tà Lùng...

2. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

Tiếp tục triển khai các giải pháp đảm bảo nguyên liệu cho các nhà máy chế biến khoáng sản đang hoạt động như: tận dụng tối đa nguồn nguyên liệu tại chỗ, tạo điều kiện để các đơn vị có nhu cầu nhập khẩu, mua nguyên liệu trong nước phục vụ sản xuất. Tạo mọi điều kiện cần thiết cho các nhà máy chủ lực (nhà máy sản xuất phôi thép, sản xuất Feromangan, sản xuất chì thỏi, tinh quặng chì, kẽm) sản xuất hoàn thành kế hoạch, đảm bảo giá trị tăng trưởng của ngành. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện hoàn thành dự án Khai thác lộ thiên khoáng sản Niken-Đồng theo kế hoạch.

Tìm kiếm, thúc đẩy các nhà đầu tư vào đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà máy tại khu công nghiệp Chu Trinh; xây dựng cụm công nghiệp Hưng Đạo, cụm công nghiệp miền Đông. Thúc đẩy phát triển mạnh các ngành nghề truyền thống, TTCN phục vụ du lịch.

Khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ để sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên liệu, năng lượng, tăng năng suất, hạ giá thành và bảo vệ môi trường. Tăng cường kết nối sản xuất công nghiệp chế biến với sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế gắn với các Chương trình trọng tâm, trọng điểm của tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển các chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa mới trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng hoàn thành nhà máy Thủy điện Hồng Nam. Đôn đốc các nhà máy thủy điện: Pác Khuổi, Khuổi Luông xây dựng hoàn thành theo tiến độ. Khởi công xây dựng mới các dự án thủy điện Bảo Lạc A, Thượng Hà, Bản Ngà, Bản Riễn. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát ngành điện, đảm bảo hệ thống điện vận hành an toàn, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất tiêu dùng.

3. Lĩnh vực thương mại - dịch vụ

Tiếp tục xây dựng ngành thương mại phát triển theo hướng kết hợp truyền thống và văn minh hiện đại; thu hút các nguồn lực của thương nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư, hoạt động thương mại. Phát triển thị trường trong tỉnh gắn kết chặt chẽ với phát triển thị trường trong vùng và cả nước, với thị trường ngoài nước; gắn hiệu quả kinh doanh thương mại với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Kêu gọi mọi nguồn lực đầu tư hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, chợ nông sản, kết hợp với xây dựng mạng lưới phân phối kết nối với các địa phương trong tỉnh, trong vùng và nước ngoài (Trung Quốc) theo quy hoạch. Tăng

cường công tác xúc tiến thương mại, tổ chức hội chợ, phiên chợ, giao lưu, kết nối giao thương góp phần thúc đẩy lưu thông, phân phối tiêu thụ hàng hóa, kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy kết nối thị trường, tìm kiếm đối tác kinh doanh, khuyến khích các tổ chức đơn vị kinh doanh sử dụng đa dạng các hình thức phân phối tiêu thụ sản phẩm; thúc đẩy sản phẩm sản xuất trên địa bàn tỉnh tham gia vào các chuỗi sản xuất tiêu thụ sản phẩm trong nước, hướng tới xuất khẩu.

Trao đổi với Bộ, ngành liên quan và phía Trung Quốc việc nâng cấp cửa khẩu, mở lối mở biên giới trên địa bàn tỉnh gồm: nâng cấp cửa khẩu Tà Lùng - Thủy Khẩu, Trà Lĩnh - Long Bang lên cửa khẩu quốc tế; Mở song phương cặp cửa khẩu Lý Vạn - Thạch Long; Mở lối mở (lối thông quan hàng hóa) Nà Đổng - Nà Ráy. Xây dựng cơ chế trao đổi liên lạc giữa các cơ quan quản lý thuộc cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) - Long Bang (Trung Quốc); cửa khẩu Sóc Giang (Việt Nam) - Bình Mãng (Trung Quốc) tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý các hoạt động cửa khẩu giữa hai bên. Thực hiện tốt chương trình nộp thuế điện tử 24/7, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc nộp các khoản thuế, phí xuất nhập khẩu. Duy trì thực hiện vùng xanh an toàn dịch bệnh đối với phương tiện và người điều khiển phương tiện vận chuyển, hàng hoá xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình hạ tầng tại cửa khẩu, hoàn thành dự án Nhà kiểm soát liên hợp đầu cầu II Tà Lùng.

Quản lý giá cả dịch vụ kinh doanh vận tải linh hoạt, phù hợp với giá nhiên liệu, đặc biệt là dịch vụ vận tải hành khách. Tăng cường chất lượng công tác kiểm soát tải trọng xe trên các tuyến đường.

Tập trung thu hút các nhà đầu tư chiến lược, xây dựng hạ tầng theo hướng đồng bộ đa chức năng tại 03 di tích quốc gia đặc biệt, các danh thắng quốc gia, vùng CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng gắn với bản sắc văn hóa dân tộc. Phát triển các sản phẩm, loại hình du lịch bền vững (du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái); khuyến khích sản xuất các sản phẩm lưu niệm, sản vật địa phương; thúc đẩy phát triển nền ẩm thực Cao Bằng. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; thực hiện việc số hóa các tài liệu hiện vật, ấn phẩm du lịch; phát triển, hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ tuyên truyền, quảng bá du lịch; nghiên cứu triển khai các hoạt động du lịch mới, đa dạng. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 78/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định về Chính sách hỗ trợ phát triển Du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2025; tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, tăng cường xã hội hóa đầu tư phát triển du lịch. Tích cực tuyên truyền bằng nhiều hình thức về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch. Tăng cường kiểm tra công tác quản lý, điều hành tại các khu, điểm, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch. Triển khai Kế hoạch xây dựng và phát triển CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng giai đoạn 2023-2026. Tiếp tục vận động tổ chức Hội nghị lần 8 của Mạng lưới CVĐC toàn cầu khu vực Châu Á – Thái Bình Dương tại Cao Bằng năm 2024.

4. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch, xây dựng

Tiếp tục quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch, kế hoạch và xây dựng trên địa bàn tỉnh, trong đó:

Tập chung chỉ đạo thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 ngay sau khi được Chính phủ phê duyệt. Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy hoạch tỉnh được phê duyệt. Hoàn thành Đồ án quy hoạch chi tiết khu liên hợp Thể dục thể thao tỉnh Cao Bằng và Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Cao Bằng; quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch chung đôi với: thị trấn Xuân Hòa, thị trấn Thông Nông; thị trấn Quảng Uyên; thị trấn Nước Hai; thị trấn Đông Khê; thị trấn Bảo Lạc; thị trấn Thanh Nhật; Hoàn thành lập quy hoạch phân khu các khu vực cửa khẩu Tà Lùng, Trà Lĩnh thuộc Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng.

Giao kế hoạch đầu tư công 2023 kịp thời gian theo quy định của pháp luật. Tiếp tục thành lập tổ công tác về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thúc đẩy thực hiện dự án đầu tư công năm 2023 để bám sát tiến độ thi công, giải ngân các dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm của tỉnh như: Đường cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh, Đường tỉnh 208, Bảo tàng tỉnh Cao Bằng, Trụ sở làm việc HĐND - UBND - Đoàn ĐBQH tỉnh, Các dự án trong lĩnh vực y tế thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.... Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng từ khâu khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, bảo trì công trình.

5. Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường

Tăng cường công tác quản lý và tập trung giải quyết triệt để các tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh, trong đó:

Thực hiện đúng, đầy đủ các nhiệm vụ trong công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản theo các quy định của pháp luật, nhằm tăng thêm nguồn thu từ hoạt động khoáng sản. Nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu viễn thám, ứng dụng công nghệ viễn thám trong công tác quản lý khoáng sản; kết hợp quản lý, bảo vệ cảnh quan, môi trường trong vùng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động khoan, thăm dò nước dưới đất, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước tại địa bàn các huyện, thành phố.

Phê duyệt danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; hoàn thành việc trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2021 – 2025; thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện; phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2023 làm cơ sở cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai; quản lý tốt việc chuyển mục đích sử dụng đất; tiếp tục rà soát đất công, đất dôi dư của các huyện, thành phố.

Thực hiện các biện pháp phòng, chống ô nhiễm nguồn nước mặt và nguồn nước dưới đất; đảm bảo dòng chảy tối thiểu của các sông; ngăn chặn và xử lý tình trạng khai thác nước quá mức làm suy thoái, cạn kiệt nguồn nước. Triển khai đầu tư 03 dự án xử lý 03 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

6. Công tác quản lý, điều hành ngân sách và các tổ chức tín dụng

Thực hiện đồng bộ các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính-ngân sách địa phương, trong đó: Tập trung thực hiện các giải pháp thu ngân sách bền vững, quản lý chặt chẽ các nguồn thu, khai thác nguồn thu, chống thất thu ngân sách, giảm tỷ lệ nợ thuế. Theo dõi chặt chẽ, nắm bắt tình hình thu Ngân sách nhà nước, hướng dẫn, đôn đốc người nộp thuế kê khai, nộp các loại thuế theo quy định. Thực hiện tốt công tác tổng hợp, phân tích, đánh giá tiến độ thực hiện dự toán và dự báo thu Ngân sách nhà nước; kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ quy định, tiết kiệm, hiệu quả. Thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi ưu tiên theo mức độ quan trọng, cấp thiết và khả năng triển khai trong năm 2023. Chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện, các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Chỉ đề xuất ban hành đề án, chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực thu chi ngân sách; tiếp tục thực hiện áp dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức tín dụng thực hiện Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ và Thông tư số 03/2022/TT-NHNN ngày 20/5/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tại các ngân hàng thương mại; đảm bảo tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, đảm bảo cung ứng vốn cho nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận vốn tín dụng cho người dân và doanh nghiệp; duy trì tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn ở mức dưới 2%. Chỉ đạo Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục thực hiện các chính sách cho vay theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế của Chính phủ.

7. Công tác Khoa học và Công nghệ

Quan tâm nghiên cứu, đánh giá thực trạng, yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực gắn với phân tích và dự báo xu hướng phát triển trong nước và thế giới, đề xuất và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ bám sát định hướng phát triển kinh tế - xã hội địa phương năm 2023 và giai đoạn 2021-2025, trong đó: Tiếp tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục đối với 03 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia; Triển khai 43 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, ngành, địa phương, cấp tỉnh, cấp cơ sở; Tổ chức nhân rộng kết quả của các đề tài, dự án đã được nghiệm thu vào đời sống sản xuất, tập trung vào các trụ cột tăng trưởng kinh tế và các lĩnh vực ưu tiên trọng điểm của tỉnh; Đẩy mạnh công tác tư vấn, phổ biến thông tin khoa học và công nghệ phục vụ cho

phát triển kinh tế - xã hội; Nghiên cứu, triển khai các dự án hợp tác với tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc về nông nghiệp trên các lĩnh vực: dự báo và kiểm soát dịch bệnh động, thực vật; khoa học kỹ thuật, máy móc nông nghiệp; sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có ưu thế....; Hỗ trợ các ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để hình thành và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Tuyên truyền, vận động các tổ chức, doanh nghiệp quan tâm tham gia các chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), Techfest các sản phẩm công nghệ trong nước và quốc tế. Tiếp tục thực hiện Đề án “Triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”.

8. Công tác hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã; Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước

Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương “*Chính quyền đồng hành cùng doanh nghiệp*” tăng cường tiếp xúc, đối thoại với doanh nghiệp qua nhiều kênh, nhằm lắng nghe ý kiến đề xuất, kịp thời giải quyết kiến nghị chính đáng của doanh nghiệp một cách thiết thực, hiệu quả. Tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Cao Bằng năm 2023. Nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian công tác phối hợp thẩm định, trình phê duyệt các thủ tục hồ sơ dự án đầu tư tư nhân để dự án sớm được triển khai. Đẩy mạnh hỗ trợ và khuyến khích doanh nghiệp đẩy mạnh thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. Cung cấp thông tin phục vụ doanh nghiệp nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thương mại hóa công nghệ và chuyển giao công nghệ. Rà soát, thống kê doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ cho doanh nghiệp; đề xuất các giải pháp, chính sách hỗ trợ thúc đẩy khởi nghiệp này phát triển.

Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các thủ tục hành chính về đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 để đáp ứng kịp thời việc triển khai các dự án đầu tư. Rà soát quỹ đất công do nhà nước quản lý đang sử dụng chưa đúng mục đích hoặc không đạt hiệu quả cao; xây dựng phương án thu hồi và tạo quỹ đất sạch để kêu gọi đầu tư.

Tiếp tục triển khai kế hoạch cổ phần hóa đối với Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Cao Bằng, Công ty TNHH Đầu tư phát triển và Môi trường Cao Bằng.

9. Văn hóa - Thể thao

Quan tâm phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp và tiếp tục thúc đẩy phát triển các hoạt động thể dục thể thao nhằm nâng cao tầm vóc, duy trì thể lực, bảo vệ sức khỏe nhân dân. Trong đó:

Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh, bảo vật quốc gia và các di sản văn hoá phi vật thể trên địa bàn tỉnh gắn với phát triển du lịch như: thực hiện Đề án “Bảo tồn, phát huy giá trị dân ca, dân vũ, dân nhạc các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2022-2030” trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Đề án “Bảo tồn phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam trong giai đoạn 2021-2025” trên

địa bàn tỉnh Cao Bằng... Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa, thể thao; hạn chế tối đa việc sử dụng ngân sách nhà nước để tổ chức lễ hội. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển Thể thao thành tích cao giai đoạn 2020 - 2025. Tổ chức, phối hợp tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao cấp tỉnh, các giải thi đấu thể thao khu vực và toàn quốc năm 2023

Triển khai thực hiện Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Đề án chuyển số thư viện công cộng tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022 - 2025. Tăng cường các hình thức thông tin giới thiệu sách phục vụ nhu cầu thông tin của nhân dân. Duy trì mạng lưới chiếu phim lưu động phục vụ vùng xa, biên giới. Tiếp tục phát triển phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; thực hiện tốt công tác thông tin, cổ động và các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và địa phương.

10. Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục quan tâm rà soát, tổ chức mạng lưới trường, lớp, đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; tuyển dụng, bố trí giáo viên đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông mới phù hợp với tình hình thực tế địa phương; đầu tư, phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng sâu, vùng xa; tăng cường xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Khuyến khích phát triển mô hình xã hội hóa giáo dục ở các cấp học.

Duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục ở các cấp học; tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025; thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019. Tiếp tục triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới đảm bảo chất lượng, hiệu quả; Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; tích hợp, lồng ghép, tinh giản nội dung dạy học trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; đẩy mạnh giáo dục STEM trong giáo dục phổ thông; đổi mới kiểm tra, đánh giá gắn với lộ trình thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; bảo đảm 100% học sinh lớp 3 được học ngoại ngữ vào năm học 2022 - 2023. Thực hiện hiệu quả Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2018 - 2025; nâng cao chất lượng tư vấn nghề, thực hiện kết hợp dạy văn hóa phổ thông với dạy nghề.

Thúc đẩy chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo; triển khai kết nối liên thông dữ liệu, tích hợp cơ sở dữ liệu ngành vào cơ sở dữ liệu quốc gia.

11. Y tế, phòng chống dịch COVID-19

Tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung theo Chương trình phòng chống dịch COVID-19 của Chính phủ. Phối hợp với Bộ Y tế đảm bảo cung cấp đầy đủ và kịp thời vắc xin COVID-19 cho người dân. Tăng cường giám sát tích cực chủ động phòng chống bệnh truyền nhiễm gây dịch tại các cơ sở y tế và cộng đồng, đặc biệt là các dịch bệnh nguy hiểm và dịch bệnh mới nổi như: Cúm A (H7N9), Cúm A(H5N1), Bệnh tay- chân- miệng, sốt xuất huyết, dịch hạch, Bạch hầu... Duy trì thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 và các chương trình y tế khác. Tiếp tục cử cán bộ chuyên môn đi luân phiên hỗ trợ cho tuyến dưới và tiếp nhận sự hỗ trợ chuyên môn của tuyến Trung ương cho tuyến tỉnh. Tăng cường sự phối hợp của các Ban, Ngành, Đoàn thể, các Tổ chức xã hội cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; đặc biệt tăng cường phối hợp với các lực lượng Quân y trong công tác phòng chống thiên tai thảm họa, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa. Khuyến khích các đơn vị thực hiện các hoạt động xã hội hóa công tác y tế theo đúng các quy định của Nhà nước nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ và nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân.

Hoàn thành 03 dự án nâng cao năng lực y tế cơ sở thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế của Chính phủ. Rà soát, đánh giá thực trạng các xã theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã mới được ban hành và có các giải pháp cụ thể tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện của địa phương.

12. Lao động việc làm và an sinh xã hội

Đẩy mạnh tạo việc làm tại chỗ thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và các giải pháp đột phá về phát triển kinh tế, du lịch- dịch vụ, kết cấu hạ tầng theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng việc làm. Tăng cường kết nối cung - cầu lao động toàn quốc trên nền tảng trực tuyến phục vụ công tác tư vấn, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động; tăng cường hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm; thực hiện hoạt động đối ngoại để thúc đẩy công tác tuyển chọn, đào tạo và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, hướng tới các thị trường có thu nhập cao, ổn định và phù hợp với đặc thù lao động của tỉnh.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Đa dạng hóa các hình thức, các phương pháp dạy nghề phù hợp với đối tượng học nghề và yêu cầu sản xuất kinh doanh; chú trọng công tác phân luồng học sinh; đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, huy động các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề; mở rộng thực hiện cơ chế đào tạo nghề theo hợp đồng đào tạo hoặc đặt hàng giữa doanh nghiệp với cơ sở đào tạo.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách, chế độ ưu đãi người có công; đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm lo đời sống các đối tượng người có công; các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; tạo môi trường sống an toàn, thực hiện đầy đủ quyền trẻ em; đẩy mạnh phòng chống tệ nạn xã hội. Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp theo

Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế của Chính phủ và các chính sách bảo trợ xã hội, giảm nghèo theo quy định; triển khai các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, phát triển người tham gia BHXH, BHYT. Đồng thời làm tốt công tác theo dõi, vận động tái tục đối với người tham gia BHXH tự nguyện để đảm bảo duy trì và phát triển đối tượng tham gia một cách bền vững. Kiểm tra, giám sát việc đóng BHXH cho người lao động của doanh nghiệp.

13. Thông tin và Truyền thông

Xây dựng hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng (WAN), băng thông rộng, kết nối các cơ quan nhà nước từ tỉnh đến xã phục vụ cho các hệ thống thông tin dùng chung kết nối, liên thông các cấp trên địa bàn tỉnh. Thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh; triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong chuyển đổi số, hỗ trợ phát triển thương mại điện tử. Phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số trong bưu chính.

Duy trì quản lý, vận hành có hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung: Công thông tin điện tử, hệ thống thư công vụ, quản lý văn bản và điều hành, trung tâm điều hành thông minh (IOC), hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC),... Tiếp tục xây dựng kho dữ liệu dùng chung; hoàn thiện chuẩn hóa CSDL nền tảng, CSDL chuyên ngành; phát triển hạ tầng dữ liệu không gian đô thị, hợp nhất các dữ liệu đất đai, xây dựng, quy hoạch đô thị, giao thông và các dữ liệu khác trên nền GIS. Triển khai các giải pháp giám sát, an toàn, an ninh mạng, phòng chống mã độc tập trung, kết nối, chia sẻ thông tin với Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng quốc gia.

Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, phát triển hạ tầng viễn thông và hạ tầng khác phục vụ cho chuyển đổi số của tỉnh; phát triển mạng di động 4G và 5G.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản. Đảm bảo phát triển báo chí xuất bản, phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo đúng tôn chỉ, mục đích phục vụ công tác lãnh, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, quản lý của chính quyền. Phát triển các loại hình thông tin theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, chất lượng, hiệu quả, đáp ứng quyền tiếp cận thông tin của nhân dân và phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của đất nước.

14. Công tác Dân tộc - Tôn giáo

Tăng cường vai trò của cấp ủy, chính quyền, phát huy vai trò của mặt trận và các đoàn thể trong việc vận động đồng bào dân tộc thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Triển khai đầy đủ các chính sách, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Sắp xếp ổn định dân cư ở những vùng có nguy cơ sạt lở cao. Kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn âm mưu lợi dụng tín

ngưỡng, tôn giáo của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; củng cố và tăng cường sự đoàn kết của chức sắc, tín đồ tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân.

15. Công tác Nội vụ, Thanh tra, Tư pháp

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các nội dung cải cách hành chính; tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính. Thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức bộ máy và quản lý biên chế; thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ CBCCVN; kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo một số ngành, huyện và thành phố. Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, đào tạo, thi nâng ngạch công chức, viên chức; đảm bảo chế độ chính sách đối với đội ngũ CBCCVN. Rà soát, đánh giá đội ngũ CBCCVN không đảm bảo năng lực, tinh thần trách nhiệm hoặc không đủ tiêu chuẩn hoặc không đảm bảo sức khỏe để giải quyết chế độ chính sách theo quy định. Tiếp tục giải quyết vướng mắc sau sáp nhập huyện, xã. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ; công tác thanh niên; tổ chức hội; dân vận chính quyền, dân chủ cơ sở, bình đẳng giới.

Tập trung triển khai toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả, chất lượng công tác tư pháp. Thực hiện có hiệu quả công tác góp ý, thẩm định, nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định hướng dẫn thi hành; kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh. Thực hiện có hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật, quản lý xử lý vi phạm hành chính, hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025.

Thực hiện kế hoạch thanh tra có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các vấn đề bức xúc; nâng cao hiệu quả phát hiện và xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng; giải quyết dứt điểm các vụ việc phức tạp, kéo dài; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức pháp luật của cán bộ, nhân dân; tăng cường vận động, thuyết phục công dân chấp hành pháp luật và các quyết định giải quyết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh.

16. Công tác đối ngoại

Xây dựng và triển khai Kế hoạch đối ngoại tỉnh Cao Bằng năm 2023; Kế hoạch triển khai Đề án mở rộng đối ngoại, chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Phối hợp với phía

Trung Quốc và các cơ quan liên quan tham mưu cho tỉnh tổ chức thành công Chương trình Gặp gỡ đầu xuân giữa các Bí thư Tỉnh ủy và Hội nghị lần thứ 14 Ủy ban công tác liên hợp giữa các tỉnh: Cao Bằng, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Hà Giang (Việt Nam) và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) năm 2023. Tiếp tục thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa tỉnh Cao Bằng với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc; đồng thời tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác với các tỉnh, thành khác của Trung Quốc đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả, thông qua việc thúc đẩy đầu tư, thương mại giữa hai Bên, tăng cường các chuyến thăm, làm việc, trao đổi đoàn cấp cao.

Tăng cường quan hệ với Đại sứ quán các nước tại Việt Nam; duy trì, mở rộng quan hệ với cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế đã có quan hệ với địa phương. Thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị với các tỉnh, thành phố nước ngoài có nhiều điểm tương đồng với tỉnh và có tiềm năng, lợi thế trong việc hợp tác phát triển kinh tế, đặc biệt là các địa phương của Nhật Bản, Hàn Quốc. Tổ chức các chuyến thăm, gặp gỡ, làm việc với một số văn phòng đại diện các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

17. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

Tiếp tục thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định, giữ vững chủ quyền lãnh thổ và an ninh biên giới quốc gia, ổn định an ninh chính trị tại địa phương. Duy trì thực hiện tốt quy chế phối hợp các lực lượng theo Nghị định 03/2019/NĐ-CP ở các cấp. Tăng cường tuyên truyền, quán triệt và thực hiện nghiêm các chỉ thị, nghị quyết, hướng dẫn, quy định của các cấp về an ninh - quốc phòng; duy trì, thực hiện có hiệu quả các Hiệp định, Biên bản, Thỏa thuận về biên giới, cửa khẩu trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ các huyện: Bảo Lạc, Quảng Hòa; diễn tập phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn huyện Trùng Khánh, diễn tập cấp xã năm 2023; thực hiện tốt công tác tuyển quân năm 2023; Chú trọng cải tạo, củng cố các công trình quân sự có sẵn, địa hình có giá trị chiến dịch, chiến thuật,... tạo cơ sở cho triển khai thực hiện nội dung huấn luyện, diễn tập đảm bảo sát thực tế các tình huống quốc phòng, an ninh.

Tiếp tục chỉ đạo các lực lượng chức năng chủ động nắm chắc tình hình và triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh trật tự, bảo vệ tuyệt đối an toàn các đoàn cấp cao của Đảng, Nhà nước và các đoàn khách quốc tế đến thăm, làm việc tại Cao Bằng; chỉ đạo thực hiện các đợt cao điểm tấn công trấn áp, truy nã tội phạm; triệt phá các ổ nhóm tội phạm, từng bước kiềm chế làm giảm các loại tội phạm. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự; tiếp tục triển khai các giải pháp, kế hoạch bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 của tỉnh Cao Bằng./.

hiện nội dung huấn luyện, diễn tập đảm bảo sát thực tế các tình huống quốc phòng, an ninh.

Tiếp tục chỉ đạo các lực lượng chức năng chủ động nắm chắc tình hình và triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh trật tự, bảo vệ tuyệt đối an toàn các đoàn cấp cao của Đảng, Nhà nước và các đoàn khách quốc tế đến thăm, làm việc tại Cao Bằng; chỉ đạo thực hiện các đợt cao điểm tấn công trấn áp, truy nã tội phạm; triệt phá các ổ nhóm tội phạm, từng bước kiểm chế làm giảm các loại tội phạm. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự; tiếp tục triển khai các giải pháp, kế hoạch bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 của tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh (50 bản giấy);
- TT. UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh (mỗi ban 20 bản giấy);
- Các Ủy viên UBND tỉnh;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, các CV;
- Lưu: VT, TH(Nh- 7 bản giấy).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

Phụ lục

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

(Biểu kèm theo Báo cáo số 2960/BC-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Cao Bằng)

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện 2021 | Năm 2022 | | | | KH 2023 | KH 2023 so với ước TH 2022 (%) | Ghi chú |
|----------|---|-------------|------------------|--------------|-----------------|------------------------------------|------------------------------------|--------------|--------------------------------|---------|
| | | | | KH 2022 | Ước TH năm 2022 | Ước TH năm 2022 so với TH 2021 (%) | Ước TH năm 2022 so với KH 2022 (%) | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=6/4 | 8=6/5 | 9 | 10=9/6 | 11 |
| I | Chỉ tiêu kinh tế | | | | | | | | | |
| 1 | Tốc độ tăng trưởng GRDP | % | 3,34 | 8,00 | 5,55 | | | 8,00 | | |
| - | Nông, lâm nghiệp, thủy sản | % | 3,97 | 3,07 | 2,74 | | | 3,10 | | |
| - | Công nghiệp-xây dựng | % | 0,17 | 11,43 | 9,17 | | | 11,71 | | |
| + | Công nghiệp | % | -3,21 | 13,22 | 19,85 | | | 14,25 | | |
| + | Xây dựng | % | 2,14 | 10,40 | 3,25 | | | 10,08 | | |
| - | Dịch vụ | % | 4,16 | 8,50 | 5,04 | | | 8,35 | | |
| - | Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm | % | 7,19 | 8,70 | 8,32 | | | 8,40 | | |
| 2 | GRDP bình quân đầu người | Triệu đồng | 37,18 | 40,30 | 39,48 | 106,2 | 97,97 | 43,97 | 111,4 | |
| 3 | Giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên 1 đơn vị diện tích (ha) | Triệu đồng | 42,0 | 44,0 | 44,0 | 104,8 | 100,0 | 46,0 | 104,5 | |
| 4 | Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn (bao gồm cả giá trị hàng hóa giám sát) | Triệu USD | 800,5 | 631 | 820,0 | 102,4 | 130,0 | 638,0 | 77,8 | |
| | Trong đó: | | | | | | | | | |
| 4.1 | Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn | Triệu USD | 178,6 | 125 | 600,0 | 335,9 | 480,0 | 396,0 | 66,0 | |
| 4.2 | Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn | Triệu USD | 336,2 | 301 | 120,0 | 35,7 | 39,9 | 132,0 | 110,0 | |
| 4.3 | Giá trị hàng hóa Giám sát | Triệu USD | 285,7 | 205 | 100,0 | 35,0 | 48,8 | 110,0 | 110,0 | |
| 5 | Thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn (không bao gồm số bổ sung từ NSTW) | Tỷ đồng | 1.949,545 | 2.018 | 4.180 | 214,4 | 207,1 | 2.838 | 67,9 | |

| | | | | | | | | | | |
|-----------|--|---------------|--------------|-------------|-------------|--------------|--------------|-------------|--------------|--|
| | <i>Trong đó:</i> | | | | | | | | | |
| - | Thu thuế xuất, nhập khẩu | Tỷ đồng | 436 | 230 | 2.600 | 596,8 | 1.130,4 | 1.200 | 46,2 | |
| - | Thu nội địa | Tỷ đồng | 1.494,686 | 1.788 | 1.575,205 | 105,4 | 88,1 | 1.638 | 104,0 | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | | | | | | |
| | + Thu từ tiền sử dụng đất | Tỷ đồng | 181 | 500 | 350 | 193,8 | 70,0 | 500 | 142,9 | |
| | + Thu từ xổ số kiến thiết | Tỷ đồng | 14 | 15 | 15 | 103,8 | 100,0 | 15 | 100,0 | |
| 6 | Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng thêm | % | -18,0 | 11,0 | 23,3 | 123,3 | 111,1 | 11,0 | | |
| 7 | Giao thông | | | | | | | | | |
| | Tỷ lệ chiều dài các tuyến đường huyện, đường xã được nhựa hóa/ bê tông hóa mặt đường | % | 75,0 | 77,5 | 77,5 | 103,3 | 100,0 | 82,5 | | |
| | Tỷ lệ xã có đường đến trung tâm xã được nhựa hóa/ bê tông hóa | % | 96,9 | 98,0 | 98,8 | 102,0 | 100,0 | 99,38 | | |
| II | Chỉ tiêu văn hóa - xã hội | | | | | | | | | |
| 8 | Xây dựng trường chuẩn quốc gia tăng thêm | Trường | 9 | 6 | 10 | 111,1 | 166,7 | 6 | 60,0 | |
| 9 | Y tế | | | | | | | | | |
| - | Số bác sỹ/1 vạn dân | Bác sỹ | 15,00 | 15,00 | 15,0 | 100,0 | 100,0 | 15,0 | 100,0 | |
| - | Tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã | % | 80,1 | 69,6 | 80,1 | | 113,4 | 82,0 | 103,9 | |
| - | Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) | giường bệnh | 34,9 | 35,0 | 35,0 | 100,3 | 100,0 | 35,0 | 100,0 | |
| - | Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế | % | 94,5 | 95,4 | 95,4 | | 100 | 97,0 | | |
| 10 | Văn hóa | | | | | | | | | |
| - | Tỷ lệ gia đình văn hóa | % | 85,5 | 85,0 | 85,0 | 99,0 | 100 | 85,0 | | |
| - | Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn VH | % | 95 | 95,0 | 95,0 | 100,0 | 100 | 95,0 | | |
| - | Tỷ lệ khu dân cư văn hóa | % | 81,4 | 57,0 | 57,0 | 70,0 | 100 | 58,0 | | |
| 11 | Giảm tỷ lệ hộ nghèo | % | 4,03 | 4,0 | 4,0 | 99,3 | 100 | 4,0 | 100,0 | |
| 12 | Lao động việc làm | | | | | | | | | |
| - | Tỷ lệ lao động qua đào tạo | % | 46,6 | 48,2 | 48,2 | 100,0 | 100,0 | 50,0 | 103,7 | |
| | Trong đó: Tỷ lệ qua đào tạo nghề | % | 34,4 | 35,8 | 35,8 | 100,0 | 100,0 | 37,4 | 104,5 | |
| - | Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị | % | 3,45 | 3,35 | 3,35 | 97,1 | 100,0 | 3,25 | | |

| | | | | | | | | | | |
|------------|--|----|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|--|
| 13 | Xây dựng nông thôn mới | | | | | | | | | |
| - | Số xã điểm đạt từ 17-18 tiêu chí nông thôn mới tăng thêm | xã | 6 | 5 | 5 | 83,3 | 100,0 | 5 | 100,0 | |
| - | Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới | xã | 0 | 5 | 0 | | 0,0 | 3 | | |
| III | Các chỉ tiêu về môi trường | | | | | | | | | |
| 14 | Tỷ lệ che phủ rừng | % | 55,88 | 57,19 | 57,19 | 102,3 | 100,0 | 57,83 | | |
| 15 | Sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh | | | | | | | | | |
| - | Tỷ lệ dân cư thành thị được dùng nước sạch | % | 85,0 | 86,0 | 86,0 | | 100,0 | 86,5 | | |
| - | Tỷ lệ dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh | % | 91,0 | 92,0 | 92,0 | 101,1 | 100,0 | 93,0 | | |
| 16 | Số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn tăng thêm | hộ | 2.600 | 2.215 | 2.215 | 85,2 | 100,0 | 1.909 | 86,2 | |
| 17 | Xử lý chất thải, ô nhiễm môi trường | | | | | | | | | |
| | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường | % | 83,0 | 85,0 | 85,0 | | 100,0 | 87,0 | | |
| | Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý | % | 87,5 | 87,5 | 87,5 | 100,0 | 100,0 | 87,5 | | |